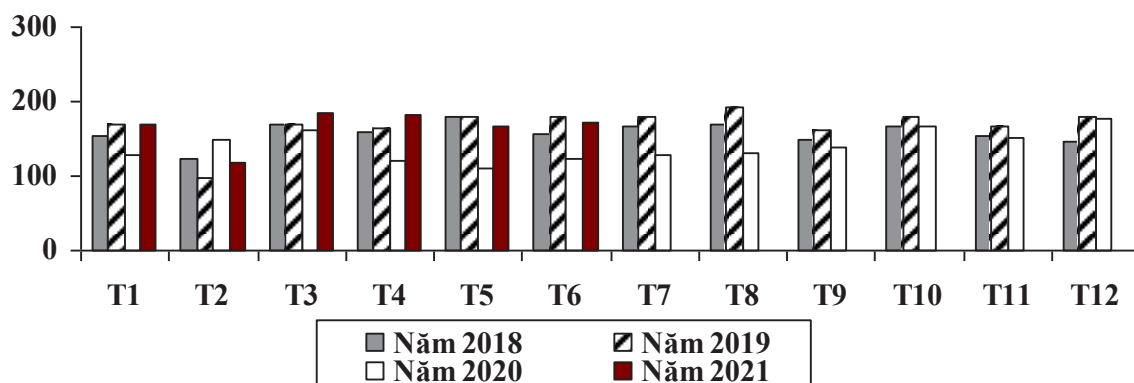


BẢN TIN

CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

SUPPORTING INDUSTRY BULLETIN

SỐ 09/2021

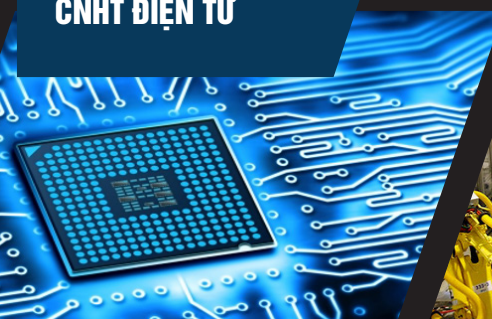


Các mặt hàng nguyên phụ liệu ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam

CNHT DỆT MAY



CNHT ĐIỆN TỬ



CNHT Ô TÔ



BẢN TIN

CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

SUPPORTING INDUSTRY BULLETIN

SỐ 09/2021

Mục lục

Tòa soạn:

**Tầng 6, Trụ sở Bộ Công Thương
Số 655 Phạm Văn Đồng,
quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội**

Thông tin liên hệ:

Biên tập: **(024) 37150530**

Marketing: **(024) 37150530**

Fax: **(024) 37150489**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Bích Thủy

Chịu trách nhiệm nội dung:

Nguyễn Bích Thủy

Giấy phép xuất bản số:

29/GP-XBBT ngày 20/4/2021

Bộ Thông tin và Truyền thông

Kỳ hạn xuất bản:

2 kỳ/tháng

Khổ **19cmx27cm**

Chế bản tại:

Trung tâm Thông tin

Công nghiệp và Thương mại

THÔNG TIN NỔI BẬT

Trong nước

Thế giới

SẢN XUẤT

Doanh nghiệp dệt may gồng mình duy trì sản xuất

Chỉ số sản xuất lĩnh vực điện tử 6 tháng tăng 17,8%

Công nghiệp ô tô Việt còn phụ thuộc nhiều vào nước ngoài

XUẤT - NHẬP KHẨU

Các mặt hàng nguyên phụ liệu ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam

Xuất khẩu NPL dệt may tăng so với tháng trước và so với tháng cùng kỳ năm trước

Các sản phẩm điện tử, linh kiện vẫn là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trong nhiều năm qua

Tháng 6/2021, nhập khẩu linh kiện và phụ tùng ô tô các loại của Việt Nam tăng 67,8%

CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ

Cần quan tâm hiện đại hoá kết cấu hạ tầng trong nước nhằm thúc đẩy CNHT phát triển

Đồng Nai thu hút nhiều dự án đầu tư vào CNHT

Vĩnh Phúc tăng trưởng tốt nhờ chú trọng phát triển CNHT

CÔNG NGHỆ - SẢN PHẨM MỚI

Phát triển loại vải mới có khả năng làm mát cơ thể gần 5°C

Sáng chế loại sợi mới dai và bền hơn từ vi khuẩn biến đổi gen

Chế tạo thành công thiết bị điện tử mỏng nhất thế giới

TIN THẾ GIỚI

Sản lượng bông toàn cầu niên vụ 2021/22 dự kiến giảm nhẹ 0,1 triệu tấn và tiêu thụ bông toàn cầu dự kiến tăng nhẹ 0,3 triệu tấn

Hyosung's creora regen elastane thu hút sự chú ý của ngành công nghiệp denim

Ngành công nghiệp ô tô Hoa Kỳ đối mặt với sự thiếu hụt chất bán dẫn

GIAO THƯƠNG

THÔNG TIN THAM KHẢO

2

2

2

3

3

5

8

10

10

10

12

15

16

16

16

17

19

19

19

19

21

21

23

23

25

27

Trong nước

- Doanh nghiệp dệt may gồng mình duy trì sản xuất
- Chỉ số sản xuất linh kiện điện tử 6 tháng tăng 17,8%
- Công nghiệp ô tô Việt còn phụ thuộc nhiều vào nước ngoài
- Các mặt hàng nguyên phụ liệu ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam
- Các sản phẩm điện tử, linh kiện vẫn là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trong nhiều năm qua
- Tháng 6/2021, nhập khẩu linh kiện và phụ tùng ô tô các loại của Việt Nam tăng 67,8%
- Cần quan tâm hiện đại hoá kết cấu hạ tầng trong nước nhằm thúc đẩy CNHT phát triển
- Đồng Nai thu hút nhiều dự án đầu tư vào CNHT
- Vĩnh Phúc tăng trưởng tốt nhờ chú trọng phát triển CNHT.

Thế giới

- Phát triển loại vải mới có khả năng làm mát cơ thể gần 5°C
- Sáng chế loại sợi mới dai và bền hơn từ vi khuẩn biến đổi gen
- Chế tạo thành công thiết bị điện tử mỏng nhất thế giới
- Sản lượng bông toàn cầu niên vụ 2021/22 dự kiến giảm nhẹ 0,1 triệu tấn và tiêu thụ bông toàn cầu dự kiến tăng nhẹ 0,3 triệu tấn
- Hyosung's creora regen elastane thu hút sự chú ý của ngành công nghiệp denim
- Ngành công nghiệp ô tô Hoa Kỳ đối mặt với sự thiếu hụt chất bán dẫn 

Doanh nghiệp dệt may gồng mình duy trì sản xuất

Trong 6 tháng đầu năm 2021, nhiều doanh nghiệp (DN) dệt may liên tục nhận đơn hàng mới. Tuy nhiên, trong bối cảnh dịch COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, nguy cơ thiếu hụt lao động và chậm tiến độ giao trả hàng, ngành dệt may đang phải đối mặt với nhiều thách thức trong những tháng nửa cuối năm. Để kịp trả đơn hàng cho đối tác, nhiều DN dệt may đang phải chạy hết công suất, đồng thời đảm bảo an toàn phòng dịch cho người lao động.

Theo báo cáo từ Bộ Công Thương, trong 6 tháng đầu năm 2021, ngành dệt may có nhiều tín hiệu khởi sắc: Chỉ số sản xuất của ngành dệt tăng 8,1% so với cùng kỳ năm 2020. Riêng trong tháng 6/2021, chỉ số sản xuất của ngành này tăng 3,8% so với tháng 5/2021 và tăng 14,3% so với tháng 6/2020.

Đối với sản xuất sợi, chỉ số sản xuất của ngành này 6 tháng đầu năm nay tăng 9,2%. Trong đó, sản xuất sợi tơ (filament) tổng hợp đạt sản lượng cao nhất- 813,4 nghìn tấn, tăng 5,88% so với cùng kỳ năm 2020. Tiếp đến là sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói... đạt 493,98 nghìn tấn, tăng 14,34%. Sợi từ bông (staple) tổng hợp có tỷ trọng của loại bông này dưới 85% đạt 98,87 nghìn tấn, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với sản xuất vải, chỉ số sản xuất vải dệt thoi 6 tháng tăng 9% so với cùng kỳ. Sản lượng vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) nhân tạo đạt cao nhất (339,66 triệu m²), giảm 3,3% so với cùng kỳ năm 2020. Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên đạt sản lượng cao thứ hai với 241,13 triệu m², tăng 18,94%. Sản xuất vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) tổng hợp đạt 164,59 triệu m², tăng 21,62%. Sản lượng vải dệt thoi khác từ sợi bông đạt gần 49,6 triệu m², tăng nhẹ 1,25% (Bảng 1).

Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam, ngành dệt

may thời gian qua có sự phục hồi mạnh mẽ. Hầu hết các DN đã nhận được đơn hàng, đến quý III và hết năm. Để có được sự phục hồi này nhờ chính sách thúc đẩy đẩy thương mại, tìm kiếm thị trường của Chính phủ và Bộ Công Thương và cùng đó là nỗ lực của cộng đồng DN trong ngành.

Từ nay đến cuối năm, về cơ bản các DN sẽ không phải lo việc thiếu hụt, không có đơn hàng. Cùng với đó là các Hiệp định thương mại như Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) sẽ thúc đẩy hơn nữa xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang châu Âu. Tuy nhiên, vấn đề dịch COVID-19 vẫn sẽ ảnh hưởng lớn tới DN.

Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam, thời điểm này, tại nhiều địa phương, tình hình dịch vẫn diễn biến phức tạp, gây khó khăn trong sản xuất của DN. Chỉ cần khu công nghiệp, DN bị dừng sản xuất từ 2 - 3 tuần thì đã có nguy cơ chậm tiến độ giao hàng và bị phạt. Cụ thể, các DN làm gia công theo đơn đặt hàng của đối tác sẽ bị phạt, mất tiền gia công; các DN làm theo phương thức FOB sẽ bị thiệt hại lớn hơn, nếu đối tác từ chối nhận hàng do giao chậm. Đó là chưa kể, khi sản xuất bị chậm, DN phải đổi từ giao hàng đường thủy sang hàng không, chi phí sẽ tăng lên nhiều, điều này sẽ khiến các DN thua lỗ.

Trước những khó khăn chống chọi của DN dệt may, nhất là các DN khu vực phía Nam, Bộ Công Thương đã yêu cầu các cơ quan thuộc Bộ và địa phương bám sát tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn, hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 hiệu quả vừa bảo đảm phát triển sản xuất, kinh doanh. Hướng dẫn Sở Công Thương, các khu, cụm công nghiệp xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh theo từng cấp độ trong bối cảnh dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, có các giải pháp cụ thể để tái khởi động lại hoạt động của các nhà máy, DN đáp ứng tiêu chí an toàn.

Bảng 1: Sản lượng một số sản phẩm CNHT ngành dệt may và sản phẩm may mặc trong tháng 6 và 6 tháng năm 2021

Tên sản phẩm	ĐVT	T6/2021	T6/2021 so với T5/2021 (%)	T6/2021 so với T6/2020 (%)	6 tháng năm 2021	6T/2021 so với 6T/2020 (%)
Các sản phẩm CNHT ngành dệt may						
Bao và túi dùng để đóng, gói hàng từ nguyên liệu dệt khác	1000 cái	47.333	3,83	18,85	256.397	10,63
Sợi tơ (filament) tổng hợp	Tấn	154.143	8,33	13,31	813.426	5,88
Sợi từ bông (staple) tổng hợp có tỷ trọng của loại bông này dưới 85%	Tấn	18.170	6,00	17,04	98.874	3,90
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói ...	Tấn	88.836	-0,83	17,46	493.982	14,34
Vải dệt thoi khác từ sợi bông	1000 m2	9.744	5,24	16,14	49.597	1,25
Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	1000 m2	49.202	6,72	15,04	241.131	18,94
Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) nhân tạo	1000 m2	66.601	2,06	7,66	339.662	-3,30
Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) tổng hợp	1000 m2	31.369	7,10	54,82	164.590	21,62
Các sản phẩm may mặc						
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	43.940	1,77	4,84	248.167	20,40
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	63.408	-0,62	-4,82	383.999	3,71
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	202.248	2,63	4,08	1.121.028	4,36
Các loại mền chần, các loại chần nhồi lông, các loại nệm, đệm, nệm ghế, nệm gối, túi ngủ và loại tương tự có gắn lò xo hoặc nhồi hoặc lấp bên trong bằng vật liệu nhựa hoặc bằng cao su hoặc bằng chất dẻo xốp	1000 cái	1.958	1,68	20,04	11.040	4,21
Khăn mặt, khăn tắm và khăn khác dùng trong phòng vệ sinh, nhà bếp	Tấn	8.087	1,43	1,65	42.884	2,27
Màn bằng vải tuyền	1000 cái	6.847	0,19	-14,31	42.009	-17,16
Quần áo lót cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	15.551	5,79	8,30	84.620	12,28
Quần áo lót cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	56.623	15,04	59,68	266.569	21,55

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Từ thực tế sản xuất, kinh doanh của DN, Vinatex cũng đề nghị, cán bộ, người lao động thuộc Tập đoàn, tuyệt đối tuân thủ các quy định của ngành y tế trong phòng dịch, đảm bảo an toàn cho cá nhân, gia đình và DN; sẵn sàng tham gia sản xuất trong điều kiện vừa sản xuất, vừa lưu trú tại nhà máy. Tổ chức công đoàn tích cực tham gia cùng người quản lý chuẩn bị điều kiện lưu trú cho người lao động, chuẩn bị nhu yếu phẩm, cung ứng tại chỗ. Các cơ sở sản xuất phía Bắc và miền Trung chuẩn bị sẵn sàng cho điều kiện vừa sản xuất vừa lưu trú; đặc biệt, nâng công suất tối đa vừa đảm bảo hoàn thành vượt mức nhiệm vụ, vừa có cơ hội bù đắp sản lượng cho DN phía Nam do giãn cách đang bị giảm thiểu.

Nhiều DN cũng mong muốn nhà nước có chính sách khoan nợ, giãn nợ, giảm lãi suất vay ngân

hàng, có cơ chế thuận lợi để DN tiếp cận vốn vay với lãi suất ưu đãi để chuẩn bị cho những đơn hàng sắp tới.

Khi dịch COVID-19 chưa được kiểm soát, để ổn định sản xuất, đẩy nhanh tiến độ giao hàng, người lao động cần được tiêm vaccine phòng COVID-19. Nếu có thể nhanh chóng tiêm vaccine cho người lao động thì ngành dệt may có thể tạo đà phát triển và bứt phá. Trong bối cảnh hiện nay, tuyển dụng đủ lao động và người lao động được tiêm vaccine sẽ tạo điều kiện tốt cho DN yên tâm sản xuất, kịp thời giao hàng, trả hàng trong thời gian đến cuối năm. Điều này không chỉ giúp nâng cao uy tín của hàng dệt may Việt Nam hiện nay mà cũng tạo nguồn lợi nhuận, tạo tiền đề cho sự bứt phá trở lại những năm tới... ▣

Chỉ số sản xuất lĩnh vực điện tử 6 tháng tăng 17,8%

Đợt bùng phát dịch Covid-19 lần thứ 4 hiện đã lan ra nhiều tỉnh thành, nghiêm trọng nhất là TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Bắc Giang, ghi nhận số ca nhiễm đứng đầu cả nước. Đây là đợt dịch có tính chất nghiêm trọng nhất từ trước đến nay, đã gây ảnh hưởng nặng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của cả nước nói chung và các DN điện tử nói riêng.

Một số cơ sở sản xuất của DN có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), trong đó có Samsung đã phải tạm dừng hoạt động do có phát hiện ca dương tính COVID-19. Samsung đã phải cho dừng khẩn cấp 3 cơ sở sản xuất tại Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời cắt giảm số nhân viên từ 7.000 xuống còn 3.000 nhằm giảm nguy cơ lây lan dịch bệnh. Việt Nam là cứ điểm sản xuất quan trọng của Samsung, có 16 cơ sở đặt tại đây và đảm nhiệm tới một nửa sản lượng smartphone của Công ty Hàn Quốc. Tới thời điểm hiện tại, Công ty đã phát hiện được 46 ca lây nhiễm, lập tức lên kế hoạch cho các công nhân làm việc và sinh hoạt ngay tại xưởng nhằm đảm bảo kiểm soát tốt dịch bệnh.

Theo báo cáo từ các cơ quan truyền thông địa phương, hàng chục nhà máy tại TP. Hồ Chí Minh đã phải dừng hoạt động, như Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh Saigon Hi-Tech Park, nơi tập trung tới 30% kim ngạch xuất khẩu của thành phố.

Trước đó, hồi tháng 5/2021, một số nhà máy phục vụ Apple tại Bắc Giang cũng đã phải tạm dừng sản xuất do dịch bùng phát.

Nhìn chung, kết quả sản xuất kinh doanh của các DN điện tử trong nửa đầu năm nay vẫn khả quan hơn so với cùng kỳ năm 2020. Cụ thể, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất lĩnh vực điện tử tháng 6/2021 tăng 1% so với tháng 5/2021 và tăng 5,3% so với tháng 6/2020; chỉ số 6 tháng của ngành tăng 17,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong 6 tháng đầu năm nay, nhiều sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (CNHT) ngành điện tử có sản lượng tăng so với cùng kỳ năm trước như: Dây dẫn điện khác dùng cho hiệu điện thế ≤ 1000V tăng 23,82%; loa đã hoặc chưa lắp vào

Bảng 2: Sản lượng sản xuất một số sản phẩm CNHT và thành phẩm của ngành điện tử trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2021

Tên sản phẩm	ĐVT	T6/2021	T6/2021 so với T5/2021 (%)	T6/2021 so với T6/2020 (%)	6 tháng 2021	6T/2021 so với 6T/2020 (%)
Các sản phẩm CNHT ngành điện tử						
Bộ phận của các linh kiện điện tử khác chưa được phân vào đầu	Kg	1.042.608	-0,72	18,62	5.669.959	7,03
Bộ phận của máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in, trục lăn và các bộ phận in khác, trừ máy in offset loại sử dụng trong văn phòng	Tấn	759	-13,69	35,18	6.621	16,24
Bộ phận của máy tính, máy tính tiền, máy đóng dấu miễn cước bưu phí, máy bán vé và các máy tương tự, có gắn với bộ phận tính toán (trừ máy bán hàng, máy ATM và các máy tương tự)	Tấn	143	-0,93	-10,99	809	10,01
Cáp đồng trục và dây dẫn điện đồng trục khác	Tấn	10.919	-6,32	-7,38	72.231	14,29
Dây cách điện đơn dạng cuộn bằng đồng	Tấn	28.971	1,53	18,91	165.729	9,87
Dây dẫn điện khác dùng cho hiệu điện thế ≤ 1000V	Tấn	16.669	-0,48	16,39	99.143	23,82
Loa đã hoặc chưa lắp vào hộp loa	Cái	18.439.776	-11,87	0,69	121.670.345	17,96
Mạch điện tử tích hợp	1000 chiếc	662.351	-5,45	-16,61	4.295.650	-3,38
Ống camera truyền hình; bộ chuyển đổi hình ảnh và bộ tăng cường hình ảnh; ống đèn âm cực quang điện khác	Chiếc	24.405.258	12,45	-10,96	145.040.304	15,75
Tai nghe không nối với micro	Cái	2.125.000	-1,42	-50,93	15.660.169	-43,53
Thiết bị bảo vệ mạch điện khác dùng cho điện áp ≤ 1000 V chưa được phân vào đầu	Cái	867.807	-2,29	-33,99	4.612.693	-32,88
Các sản phẩm điện tử						
Màn hình khác (trừ loại sử dụng với máy xử lý dữ liệu tự động)	Cái	1.907.882	17,77	88,06	8.744.611	79,66
Máy in offset, in theo tờ, loại sử dụng trong văn phòng	Chiếc	165.476	5,97	69,16	721.879	12,67
Máy thu hình (Tivi,...)	Cái	942.522	-6,87	-38,99	7.134.286	0,47
Máy tính bảng có giá dưới 3 triệu	Cái	680.000	149,57	-51,54	1.649.575	-70,38
Máy tính bảng có giá từ 3 đến dưới 6 triệu	Cái	510.000	1,12	17,91	3.101.689	62,88
Máy tính bảng có giá từ 6 - dưới 10 triệu	Cái	115.000	6,24	21,24	870.121	47,02

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

hộp loa tăng 17,96%; bộ phận của máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in, trục lăn và các bộ phận in khác, trừ máy in offset loại sử dụng trong văn phòng tăng 16,24%; ống camera truyền hình; bộ chuyển đổi hình ảnh và bộ tăng cường hình ảnh; ống đèn âm cực quang điện khác tăng 15,75%; cáp đồng trục và dây dẫn điện đồng trục khác tăng 14,29%; bộ phận của máy tính, máy tính tiền, máy đóng dấu miễn cước bưu phí, máy bán vé và các máy tương tự, có gắn với bộ phận tính toán tăng 10,01%; dây cách điện đơn dạng cuộn bằng đồng tăng 9,87%; bộ phận của các linh kiện điện tử khác chưa được phân vào đâu tăng 7,03%...

Ở chiều ngược lại, chỉ có một số sản phẩm CNHT có sản lượng 6 tháng giảm so cùng kỳ năm trước như: Tai nghe không nối với micro giảm 43,53%; thiết bị bảo vệ mạch điện khác dùng cho điện áp ≤ 1000 V chưa được phân vào đâu giảm 32,88%; mạch điện tử tích hợp giảm 3,38%...

Ngày 5/7/2021, Dự án tư vấn cải tiến DN Việt Nam tại tỉnh Bắc Ninh đợt 1 năm 2021 vừa chính thức được khởi động. Hoạt động này nằm trong Chương trình hỗ trợ DN tỉnh Bắc Ninh đã được Samsung phối hợp cùng Bộ Công Thương và tỉnh Bắc Ninh ký kết biên bản ghi nhớ và thực hiện từ năm 2020. Tính đến thời điểm này, Samsung phối hợp với Bộ Công Thương đã thực hiện tư vấn cải tiến cho 25 DN tại tỉnh Bắc Ninh.

Trong đợt này, Dự án sẽ được triển khai tại 2 DN, bao gồm: Công ty Cổ phần Hanpo Vina và Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thịnh Vượng, trong đó, Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thịnh Vượng là nhà cung cấp hàng đầu về khay nhựa định hình, màng nhựa và dịch vụ vệ sinh khay đã qua sử dụng cho ngành công nghiệp sản xuất linh kiện điện tử, thực phẩm; Công ty CP Hanpo Vina là nhà máy sản xuất và gia công các công đoạn của sản phẩm nhựa (bao gồm cả lắp ráp) cho các ngành công nghiệp điện tử, viễn thông, linh kiện xe máy, thiết bị gia dụng... Công ty hoạt động từ năm 2017

và đang gia công cho nhiều khách hàng là các thương hiệu quốc tế có nhà máy đặt trong nước cũng như xuất khẩu sang các nhà máy ở nước ngoài.

Chương trình tư vấn sẽ kéo dài khoảng 3 tháng. Trong thời gian này, các chuyên gia Hàn Quốc sẽ khảo sát, đánh giá các DN và trực tiếp tư vấn, làm việc cùng DN nhằm cải tiến quy trình sản xuất và hoàn thiện các tiêu chuẩn trong việc cung ứng sản phẩm, linh kiện nhằm tăng cường năng lực cho các DN của tỉnh tham gia chuỗi cung ứng linh, phụ kiện cho Samsung.

Dự án tư vấn cải tiến DN được khởi động lại ngay khi tình hình dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát tại tỉnh Bắc Ninh sau một loạt các biện pháp đồng bộ, quyết liệt, sáng tạo và hiệu quả nhằm vừa ngăn chặn, hạn chế tốc độ lây lan của dịch bệnh vừa đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh tại các DN.

Chương trình tư vấn cải tiến là chương trình được diễn ra thường niên từ năm 2015, tính đến nay Samsung đã tiến hành tư vấn cho 260 DN. Để nhân rộng hiệu quả của chương trình tư vấn cải tiến DN, trong 3 năm (2018- 2020), Samsung đã phối hợp với Bộ Công Thương đào tạo hơn 327 chuyên gia tư vấn người Việt Nam trở thành nguồn nhân lực then chốt trong lĩnh vực tư vấn và đào tạo, giúp chương trình tư vấn DN được triển khai ở quy mô lớn hơn với nhiều DN Việt Nam có thể nâng cao năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh. Đồng thời, năm 2020 Samsung cũng đã triển khai dự án hỗ trợ đào tạo 200 kỹ thuật viên trong 4 năm (2020 - 2023) về lĩnh vực khuôn mẫu nhằm nâng cao năng lực sản xuất và khả năng tự chủ về khuôn mẫu cho các ngành sản xuất cơ bản của Việt Nam.

Qua quá trình nhiều năm tìm kiếm, kết nối và tư vấn hỗ trợ các DN Việt, số lượng DN cung ứng cấp 1 của Samsung đã có sự gia tăng mạnh mẽ. Nếu so với chỉ có 4 DN cung ứng cấp 1 vào năm 2014, thì số lượng DN cung ứng cấp 1 của Samsung đã có sự gia tăng mạnh mẽ, tính đến hết năm 2020 là 50 DN cấp 1 và 191 DN cấp 2 ▢

Công nghiệp ô tô Việt còn phụ thuộc nhiều vào nước ngoài

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe trong tháng 6/2021 tăng nhẹ (0,5%) so với tháng 5/2021 và tăng 12,7% so với tháng 6/2020; chỉ số 6 tháng của ngành này tăng 14,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong 6 tháng đầu năm nay, sản lượng các sản phẩm CNHT ngành ô tô tăng trưởng khá so cùng

kỳ năm 2020 như: Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ đạt gần 22,7 triệu cái, tăng 30,97%; bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ ước đạt 58,77 triệu bộ, tăng 17,05%; cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc tấm lá hoặc dải đạt 25,19 nghìn tấn, tăng 12,98%; phụ tùng khác của xe có động cơ đạt 596,55 triệu cái, tăng 30,97%.

Bảng 3: Sản lượng một số sản phẩm CNHT của ngành ô tô và ô tô tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2021

Tên sản phẩm	ĐVT	T6/2021	T6/2021 so với T5/2021 (%)	T6/2021 so với T6/2020 (%)	6 tháng 2021	6T/2021 so với 6T/2020 (%)
Các sản phẩm CNHT ngành ô tô						
Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ	Bộ	10.189.694	1,74	15,23	58.765.703	17,05
Cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc tấm lá hoặc dải	Tấn	4.695	30,30	-9,67	25.188	12,98
Phụ tùng khác của xe có động cơ	1000 cái	97.147	-1,54	9,72	596.547	9,20
Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	Cái	3.511.544	-1,27	57,25	22.701.045	30,97
Các sản phẩm khác						
Xe có động cơ chở được từ 10 người trở lên chưa được phân vào đầu	Chiếc	1.937	75,29	348,38	6.886	65,33
Xe có động cơ chở dưới 10 người, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện với dung tích xi lanh > 1500 cc và ≤ 3000 cc	Chiếc	11.653	-10,35	23,26	71.120	36,98
Xe có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén chở được từ 10 người trở lên với tổng trọng tải > 6 tấn và < 18 tấn	Chiếc	6.966	2,23	41,61	35.339	127,01
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén, có tổng trọng tải tối đa > 5 tấn và < 20 tấn	Chiếc	1.942	-10,75	34,39	10.551	49,51
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén, có tổng trọng tải tối đa 5 tấn	Chiếc	3.719	5,27	20,00	20.561	57,14

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Theo báo cáo đánh giá về chương trình ưu đãi thuế đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước mới đây của Bộ Tài chính đưa ra thống kê, tính từ năm 2016 đến năm 2020, xe nhập khẩu đạt 557.000 xe và xe sản xuất lắp ráp trong nước là 1.346.703 xe. Một số loại sản phẩm đã xuất khẩu sang thị trường Lào, Campuchia, Myanmar, Trung Mỹ...

Hiện nay, trong nước có khoảng 173 DN sản xuất, lắp ráp ô tô, trong đó có 56 DN sản xuất xe từ linh kiện rời, 117 DN sản xuất từ xe cơ sở. Tổng công suất lắp ráp xe thiết kế đến nay khoảng 755.000 chiếc mỗi năm, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là 35%, trong nước là 65%. Có nhiều hãng lớn có hoạt động sản xuất, lắp ráp trong nước như Toyota, Hyundai, Kia, Mazda, Honda, GM, Chevrolet, Ford, Mitsubishi, Nissan, Suzuki, Isuzu, Mercedes-Benz, Hino, đáp ứng khoảng 70% nhu cầu xe dưới 9 chỗ ngồi.

Tổng kết thực hiện Chương trình ưu đãi thuế 0% đối với linh kiện mà DN trong nước chưa sản xuất được, buộc phải nhập khẩu khi đủ điều kiện (từ tháng 11/2017 đến hết tháng 12/2022), Bộ Tài chính cho hay, hiện cả nước có 9 DN đáp ứng được các tiêu chí về quy mô, năng lực để tham gia Chương trình.

Kể từ khi thực hiện Chương trình, số lượng xe sản xuất, lắp ráp trong nước năm 2018 đạt 287.586 chiếc, năm 2019 đạt 339.151 chiếc, năm 2020 là 323.892 chiếc, tăng không đáng kể.

Việc miễn thuế nhập khẩu đối với một số nguyên liệu, linh kiện lắp ráp ô tô mà trong nước chưa sản xuất được đã thu hút được các DN khác tham gia đầu tư mở rộng sản xuất. Ví dụ như Công ty Ford đã tăng vốn đầu tư từ 102 triệu USD lên 184 triệu USD để mở rộng quy mô sản xuất, lắp ráp; Công ty Honda và Công ty Mitsubishi cũng đầu tư thêm dây chuyền sản xuất mới và được vận hành vào quý II/2020; Công ty Thaco đầu tư nhà máy mới sản xuất xe ô tô cao cấp trị giá 4.000 tỉ đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư mới năm 2021; Công ty Thành Công đầu tư thêm một nhà máy tại Ninh Bình, công suất sản xuất 100.000 xe/năm. Đặc biệt, Công ty Vinfast đầu tư tổ hợp nhà máy sản xuất, lắp ráp tại Hải Phòng, rộng 335 hecta với tổng vốn đầu tư đạt

3,5 tỉ USD, tạo việc làm cho hơn 3.600 lao động trong năm 2020.

Dù vậy, ngành công nghiệp ô tô Việt Nam hiện chỉ mới tham gia vào phân khúc thấp của chuỗi giá trị ngành ô tô, còn phụ thuộc lớn vào sự phân công của các tập đoàn ô tô toàn cầu; chưa làm chủ được các công nghệ cốt lõi như động cơ, hệ thống điều khiển, hệ thống truyền động.

Theo đó, ngành sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước vẫn chưa đạt được tiêu chí của ngành sản xuất ô tô thực sự, chưa tạo được sự hợp tác, liên kết và chuyên môn hoá giữa các DN trong sản xuất - lắp ráp ô tô và sản xuất phụ tùng linh kiện; chưa hình thành được hệ thống các nhà cung cấp nguyên vật liệu và sản xuất linh kiện quy mô lớn.

Cùng với đó, giá bán xe vẫn ở mức cao so với các nước trong khu vực. Ngoài ra, tỷ lệ nội địa hoá đối với xe cá nhân đến 9 chỗ ngồi thấp hơn mục tiêu đề ra, đồng thời thấp hơn rất nhiều so với các quốc gia trong khu vực. Các sản phẩm đã được nội địa hóa mang hàm lượng công nghệ còn thấp.

Đặc biệt, các DN sản xuất kinh doanh ô tô trong nước còn đối mặt sự cạnh tranh gay gắt từ các sản phẩm nhập khẩu (đặc biệt là ô tô từ các nước ASEAN như Thái Lan, Indonesia) và trong vòng 7 - 10 năm tới là các sản phẩm ô tô từ các quốc gia thành viên của Hiệp định CPTPP và EVFTA.

Bên cạnh đó, một số quốc gia trong khu vực như Indonesia và Thái Lan đang là điểm đến hấp dẫn của các nhà sản xuất ô tô lớn trên thế giới, từ đó khiến cơ hội thu hút các hãng ô tô đầu tư sản xuất lớn ở Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn.

Bộ Tài chính cho rằng, việc phát triển CNHT cho ô tô là chiến lược quan trọng, để phát triển các ngành công nghiệp khác ở Việt Nam, không phụ thuộc quá nhiều từ nhập khẩu bên ngoài. Chương trình ưu đãi thuế quan đã nhận được sự ủng hộ, đồng tình của các DN sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước, hỗ trợ cho thị trường ổn định và duy trì được sản xuất trước sức cạnh tranh về giá của xe nhập khẩu, góp phần thúc đẩy ngành CNHT trong nước, gia tăng tỷ lệ nội địa hóa. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện Chương trình những năm qua đã bộc lộ một số vấn đề cần được điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu và bối cảnh mới ▣

Các mặt hàng nguyên phụ liệu ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt và nguyên phụ liệu (NPL) của Việt Nam ước đạt 3,79 tỷ USD, tăng 15,46% so với tháng 5/2021, tăng 24,66% so với tháng 6/2020 và đã tăng 10,18% so với tháng 6/2019. Đây là tháng đầu tiên trong năm, xuất khẩu hàng may mặc và NPL của Việt Nam tăng so với tháng cùng kỳ của năm 2019 - thời điểm trước dịch Covid-19. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này ước đạt 19,30 tỷ USD, tăng 21,8% so với 6 tháng đầu năm 2020 và tăng 4,89% so với 6 tháng đầu năm 2019. Tuy nhiên, còn nhiều thách thức, nhưng với sự tăng trưởng ổn định và liên tục trong những tháng vừa qua cho thấy xuất khẩu dệt may của Việt Nam đã tăng trở lại so với thời điểm trước dịch Covid-19.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu hàng dệt và NPL của Việt Nam tăng mạnh so với

cùng kỳ năm 2020 là do xuất khẩu các nhóm hàng đều tăng trưởng ở mức cao. Đáng chú ý, xuất khẩu nhóm hàng nguyên liệu gồm xơ sợi, vải kỹ thuật tăng tới 64,2%. Ngoài ra, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam vượt qua thời điểm xuất khẩu trước dịch Covid-19 một phần nhờ xuất khẩu các nhóm hàng xơ sợi và vải kỹ thuật tăng mạnh, trong khi nhóm hàng may mặc và nguyên phụ liệu chỉ tăng nhẹ.

Đáng chú ý, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nguyên phụ liệu của Việt Nam như xơ sợi dệt, vải kỹ thuật... có xu hướng tăng cao và hiện chiếm 20,70% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt và may mặc (6 tháng đầu năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2019, tỷ trọng là 16,40% và 17,91%). Mặc dù vẫn còn hạn chế, nhưng kết quả xuất khẩu phần của ngành dệt may Việt Nam đang dịch chuyển đúng xu hướng, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Bảng 4: Tình hình xuất khẩu các sản phẩm của ngành dệt may và NPL tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Tháng 6 năm 2021			6 tháng đầu năm 2021		
	Trị giá (Triệu USD)	So với T5/2021 (%)	So với T6/2020 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 6T/2020 (%)	So với 6T/2019 (%)
Tổng	3.790	15,46	24,66	19.308	21,80	4,89
Hàng dệt, may	3.065	19,10	16,18	15.311	15,50	1,33
Xơ, sợi dệt các loại	489	3,40	90,24	2.643	64,20	30,23
NPL dệt may, da giày	173	4,00	39,81	994	24,90	3,91
Vải màn, vải kỹ thuật khác	63	-9,60	191,74	360	85,10	15,67

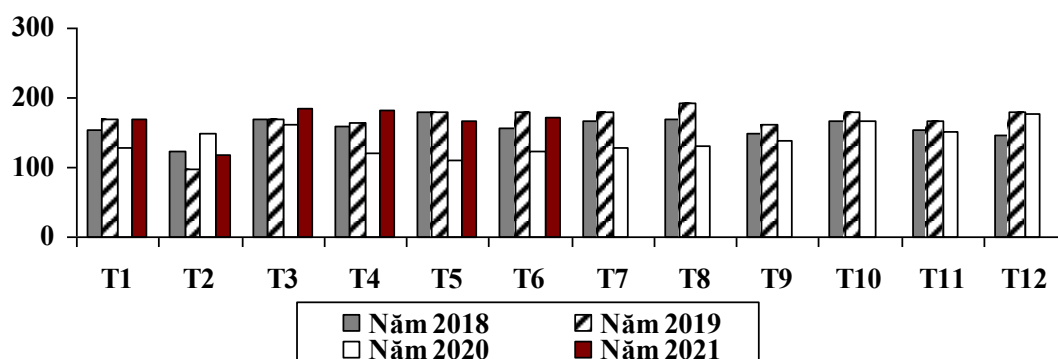
Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của TCHQ

Xuất khẩu NPL dệt may tăng so với tháng trước và so với tháng cùng kỳ năm trước

Tháng 6/2021, kim ngạch xuất khẩu NPL dệt may đạt trên 173,45 triệu USD, tăng 4% so với tháng 5/2021 và tăng 39,81% so với tháng 6/2020. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, xuất

khẩu mặt hàng này đạt 994,16 triệu USD, tăng 24,89% so với cùng kỳ năm 2020.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu NPL dệt may của Việt Nam sang các thị trường Campuchia, Indonesia, Nhật Bản, Hoa Kỳ... tăng mạnh, trong khi xuất khẩu sang các thị trường Thái Lan, Myanmar, Australia, Anh... giảm.

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu NPL dệt may của Việt Nam (ĐVT: Triệu USD)


Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của TCHQ

Bảng 5: Thị trường xuất khẩu NPL dệt may của Việt Nam tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2021

Thị trường chủ yếu	Tháng 6 năm 2021			6 tháng năm 2021		Tỷ trọng XK (%)	
	Trị giá (Nghìn USD)	So với T5/2021 (%)	So với T6/2020 (%)	Trị giá (Nghìn USD)	So với 6T/2020 (%)	6T/2021	6T/2020
Tổng	173.450	4,00	39,81	994.269	24,89	100,00	100,00
Campuchia	24.011	-16,26	69,75	160.268	41,30	16,12	14,25
Indonesia	21.784	2,74	61,23	127.378	27,03	12,81	12,59
Trung Quốc	18.618	38,85	30,26	96.849	6,96	9,74	11,37
Nhật Bản	10.159	-19,03	-21,43	79.040	11,54	7,95	8,90
Hoa Kỳ	13.400	6,42	15,64	75.616	52,41	7,61	6,23
Hồng Kông	14.281	28,39	108,96	67.652	16,12	6,80	7,32
Ấn Độ	8.678	9,05	259,46	48.825	81,62	4,91	3,38
Hàn Quốc	8.548	-3,37	21,73	48.308	12,99	4,86	5,37
Bangladesh	5.917	-0,40	157,44	36.463	113,09	3,67	2,15
Đức	7.030	10,92	188,82	34.965	224,91	3,52	1,35
Italia	3.170	-10,06	34,30	20.784	29,43	2,09	2,02
Thái Lan	3.248	-6,27	-8,07	17.214	-2,74	1,73	2,22
Myanma	2.912	57,49	13,37	16.564	-24,18	1,67	2,74
Đài Loan	2.871	5,66	6,74	16.293	18,20	1,64	1,73
Philippin	2.944	-10,63	80,79	16.242	78,44	1,63	1,14
Achentina	3.115	-16,01	272,05	15.330	23,03	1,54	1,57
Áo	1.701	11,18	184,02	10.672	226,87	1,07	0,41
Hà Lan	1.821	56,09	27,70	8.290	33,40	0,83	0,78
Australia	1.593	-36,93	-8,75	7.958	-8,29	0,80	1,09
Anh	1.003	17,60	-56,79	7.070	-31,14	0,71	1,29
Thụy Điển	1.832	82,00	265,18	6.607	160,02	0,66	0,32

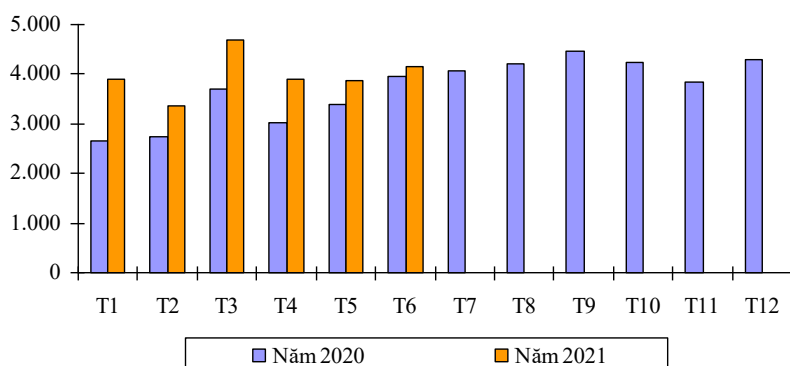
Thị trường chủ yếu	Tháng 6 năm 2021			6 tháng năm 2021		Tỷ trọng XK (%)	
	Trị giá (Nghìn USD)	So với T5/2021 (%)	So với T6/2020 (%)	Trị giá (Nghìn USD)	So với 6T/2020 (%)	6T/2021	6T/2020
Pháp	546	-2,36	-57,84	6.477	6,66	0,65	0,76
Phần Lan	373	-28,81	-16,77	4.919	24,48	0,49	0,50
Braxin	955	201,91	1.024,37	3.969	91,76	0,40	0,26
Slovakia	410	-38,70	-93,91	3.173	-90,58	0,32	4,23
Thổ Nhĩ Kỳ	488	7,05	57,05	1.490	29,31	0,15	0,14
Tây Ban Nha	509	158,07	86,36	1.347	-16,04	0,14	0,20
Chile	249			1.250	-41,04	0,13	0,27

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của TCHQ

(Các phân tích chi tiết xuất khẩu các mặt hàng CNHT ngành dệt may, vui lòng liên hệ Ban biên tập) □

Các sản phẩm điện tử, linh kiện vẫn là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trong nhiều năm qua

Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng máy tính và linh kiện điện (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về kim ngạch xuất khẩu: Xuất khẩu máy tính, linh kiện điện tử của Việt Nam sang Mỹ chiếm tỷ trọng lớn nhất (24,14%)

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử trong tháng 6/2021 đạt trên 4,14 tỷ USD,

tăng 6,84% so với tháng trước và tăng 4,97% so tháng 6/2020. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử đạt 23,86 tỷ USD, tăng 22,59% so với cùng kỳ năm 2020 và chiếm trên 15,08% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước.

Trong tháng 6/2021, xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử của các DN FDI đạt trên 4,06 tỷ USD, tăng 7,16% so với tháng trước và tăng 25,93% so với tháng 6/2020, chiếm trên 98,06% tổng kim ngạch xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử của cả nước. Lũy kế hết 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử của khối DN FDI đạt trên 23,41 tỷ USD, tăng 41,78% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 98,08% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước.

Thị trường xuất khẩu

Trong tháng 6/2021, Trung Quốc là thị trường lớn nhất với kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1,18 tỷ USD, tăng 55,99% so với tháng trước và tăng 8,08% so với cùng kỳ năm 2020. Hoa Kỳ là thị trường đứng thứ hai với kim ngạch xuất khẩu đạt 888,22 triệu USD, giảm 6,79% so với tháng trước và giảm 1,65% so với cùng kỳ năm 2020.

Thị trường Hồng Kông đạt 498,89 triệu USD, tăng 6,48% so với tháng trước và tăng 47,53% so với cùng kỳ năm 2020...

Tính đến hết 6 tháng đầu năm 2021 kim ngạch các thị trường chính xuất khẩu mặt hàng này gồm: Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU, Hồng Kông, Hàn Quốc, Asean. Xuất khẩu sang 6 thị trường đứng đầu chiếm trên 83,6% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước.

Trong khi nhiều ngành sản xuất bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 thì lĩnh vực sản xuất điện tử vẫn tăng trưởng khá. Điều này thể hiện ở cả về chỉ số sản xuất công nghiệp lẫn kim ngạch xuất khẩu trong nửa đầu năm nay so với cùng kỳ. Dự báo trong thời gian tới, ngành sản xuất điện tử vẫn bị ảnh hưởng lớn do diễn biến dịch bệnh phức tạp có khả năng làm sụt giảm nhu cầu tiêu thụ sản phẩm điện tử tại các thị trường Hoa Kỳ và châu Âu.

Biểu đồ 3: Cơ cấu thị trường xuất khẩu (% theo trị giá)



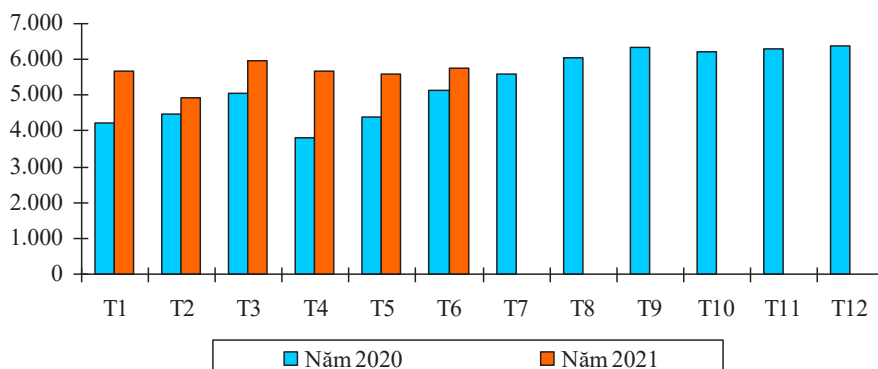
Nguồn: Tính toán từ số liệu của TCHQ

Về nhập khẩu

Tháng 6/2021, nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của cả nước đạt trên 5,73 tỷ USD, tăng 2,41% so với tháng trước và tăng 11,67% so với tháng 6/2020. Tính đến hết 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này đạt 33,56 tỷ USD, tăng 23,56% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 21,07% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của cả nước.

Tháng 6/2021, nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của khối DN FDI đạt trên 5,37 tỷ USD, tăng 2,29% so với tháng trước và tăng 34,7% so với tháng 6/2020 và chiếm trên 93,6% tổng kim ngạch nhập khẩu. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu của khối DN FDI đạt 31,32 tỷ USD, tăng 42,24% so với cùng kỳ năm 2020 và chiếm 93,33% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Biểu đồ 4: Kim ngạch nhập khẩu máy tính và linh kiện điện (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

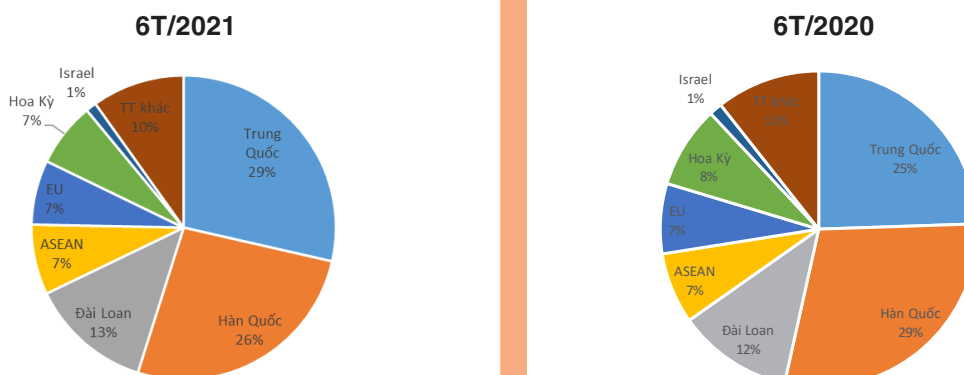
Thị trường nhập khẩu

Điểm đáng chú ý trong nhập khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là DN có xu hướng chuyển mạnh nhập khẩu từ Trung Quốc sang Hàn Quốc do ngày càng nhiều tập đoàn Hàn Quốc đầu tư và đặt cơ sở sản xuất tại Việt Nam, trong đó kể đến hai tập đoàn lớn là Samsung và LG; Việt Nam đã thực hiện nhiều cam kết xóa bỏ thuế quan đối với Hàn Quốc trong khuôn khổ Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc. Tuy nhiên, nhập khẩu máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện của Việt Nam từ thị

trường Trung Quốc vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2021, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Trung Quốc là thị trường phục hồi sản xuất sớm nhất.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của Việt Nam từ các thị trường chính gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hoa Kỳ và các nước Asean, với trị giá nhập khẩu từ các thị trường này chiếm trên 89,47% tổng trị giá nhập khẩu mặt hàng máy tính và linh kiện điện tử.

Biểu đồ 5: Tỷ trọng nhập khẩu từ các thị trường (% tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của TCHQ

Tháng 6/2021, nhập khẩu linh kiện và phụ tùng ô tô các loại của Việt Nam tăng 67,8%

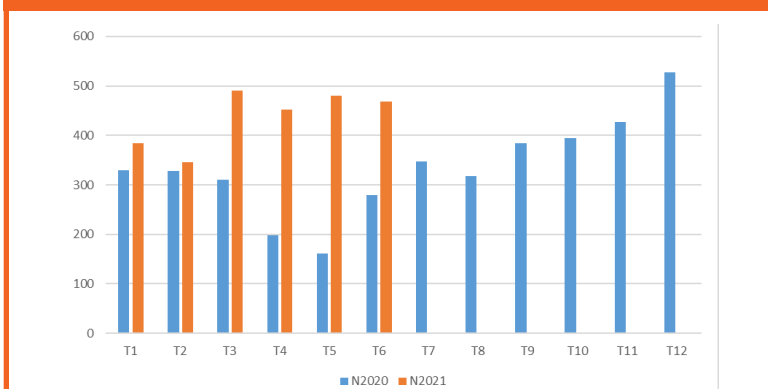
Theo thống kê sơ bộ, trong tháng 6 năm 2021, kim ngạch nhập khẩu linh kiện và phụ tùng ô tô các loại của cả nước đạt 468,9 triệu USD, giảm 2,22% so với tháng 5/2021 và tăng 67,8% so với cùng kỳ năm 2020. Tổng 6 tháng năm 2021, nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô của cả nước đạt 2,63 tỷ USD, tăng 62,97% so với 6 tháng năm 2020.

Về thị trường nhập khẩu

Trong 6 tháng năm 2021, Việt Nam nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô chủ yếu từ các thị trường Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan; trong đó, nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Hàn Quốc, đạt trị giá 683,67 triệu USD, chiếm 26,04% trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước, tăng 62,38% so với 6 tháng đầu năm 2020; thị trường nhập khẩu lớn thứ hai của Việt Nam là khối ASEAN, đạt 629,36 triệu USD, chiếm 23,97%, tăng 74,74% so với cùng kỳ năm 2020. Xếp thứ ba về kim ngạch nhập khẩu là thị trường Trung Quốc, đạt 485,81 triệu USD, chiếm 18,5%, tăng 72% ...

Linh kiện phụ tùng ô tô nhập

Biểu đồ 6: Kim ngạch nhập khẩu linh kiện, phụ tùng ô tô năm 2020 và năm 2021

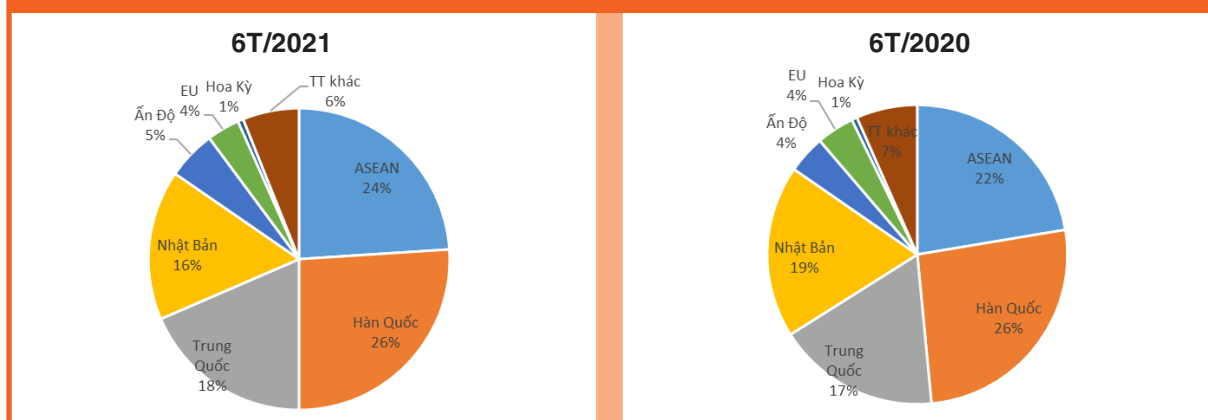


Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của TCHQ

khẩu từ thị trường các nước EU nói chung đạt 92,19 triệu USD, chỉ chiếm 3,51% trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước, tăng 40,62% so với cùng kỳ.

Nhìn chung trong 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô các loại từ hầu hết các thị trường đều tăng so với cùng kỳ năm trước; trong đó, nhập khẩu từ thị trường Italia và Belarus tăng mạnh nhất ...

Biểu đồ 7: Tỷ trọng nhập khẩu linh kiện ô tô của Việt Nam từ các thị trường



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Cần quan tâm hiện đại hoá kết cấu hạ tầng trong nước nhằm thúc đẩy CNHT phát triển

Một số DN sản xuất linh kiện Việt Nam có năng lực khá tốt tại một số lĩnh vực như sản xuất khuôn mẫu các loại; linh kiện xe đạp, xe máy; linh kiện cơ khí tiêu chuẩn; linh kiện nhựa-cao su kỹ thuật; sắm lốp các loại... Các sản phẩm này đã đáp ứng được nhu cầu trong nước và được xuất khẩu sang nhiều quốc gia trên thế giới.

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành CNHT Việt Nam vẫn những tồn tại hạn chế như: Quy mô và năng lực của các DN CNHT Việt Nam còn khiêm tốn; các sản phẩm CNHT trong nước chủ yếu vẫn là linh kiện, chi tiết đơn giản, với hàm lượng công nghệ trung bình và thấp, có giá trị nhỏ trong cơ cấu giá trị sản phẩm.

Cụ thể, đối với các DN cung ứng sản phẩm phụ tùng linh kiện ô tô, phần lớn DN CNHT mới chỉ cung ứng sản phẩm cho lắp ráp ô tô trong nước. Sự yếu kém của ngành CNHT là nguyên nhân chính dẫn đến giá trị gia tăng nội địa ở mức thấp của các ngành kinh tế, nhất là ngành công nghiệp chế tạo, chế biến...

Ngày 06/8/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 115/NQ-CP về các giải pháp thúc đẩy phát triển CNHT. Nghị quyết đặt ra mục tiêu đến năm 2025 DN Việt Nam có khả năng sản xuất các sản phẩm CNHT có tính cạnh tranh cao, đáp ứng được 45% nhu cầu thiết yếu cho sản xuất, tiêu dùng nội địa; chiếm khoảng 11% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp; có khoảng 1.000 DN đủ năng lực cung ứng trực tiếp cho các DN lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam trong đó, DN trong nước chiếm khoảng 30%. Năm 2030 sản phẩm CNHT đáp ứng 70% nhu cầu sản xuất, tiêu dùng nội địa; chiếm khoảng 14% giá trị sản xuất công nghiệp. Có khoảng 2.000 DN đủ năng lực cung ứng trực tiếp cho các DN lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam.

Để đạt được những mục tiêu trên, thời gian tới, Nhà nước cần có những giải pháp đồng bộ, khắc phục triệt để những yếu kém, từ đó thúc đẩy

CNHT Việt Nam phát triển bền vững. Trong đó, cần tập trung vào một số giải pháp trọng tâm như: Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách cho phát triển ngành CNHT; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành CNHT; tăng cường sự liên kết giữa các DN trong quá trình phát triển CNHT; hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện cho CNHT phát triển...

Bên cạnh những giải pháp đã được đề cập ở trên, để thúc đẩy CNHT phát triển, Nhà nước cần quan tâm hiện đại hoá kết cấu hạ tầng. Việc hiện đại hoá hệ thống kết cấu hạ tầng sẽ góp phần giảm bớt chi phí cho các nhà đầu tư, giúp cho hàng hoá của họ (linh kiện, vật tư, phụ tùng...) thuận lợi hơn cho việc lưu thông ở cả thị trường trong và ngoài nước ▣

Đồng Nai thu hút nhiều dự án đầu tư vào CNHT

Từ đầu năm đến nay, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các khu công nghiệp (KCN) của Đồng Nai, đa số thuộc lĩnh vực CNHT. Đây là lĩnh vực tỉnh và cả nước đang ưu tiên mời gọi để góp phần nâng tỷ lệ nội địa hóa của sản phẩm công nghiệp.

Theo Ban Quản lý các KCN Đồng Nai, trong 6 tháng đầu năm 2021, các DN FDI đã đầu tư 11 dự án mới trên lĩnh vực CNHT với tổng vốn đăng ký gần 160 triệu USD, chiếm hơn 60% tổng vốn đăng ký mới. Bên cạnh đó, có nhiều dự án tăng vốn lớn trên lĩnh vực CNHT.

Các dự án đầu tư mới, tăng vốn trên lĩnh vực CNHT tập trung phục vụ cho các ngành lớn là công nghiệp cơ khí, điện tử và công nghiệp dệt may, giày dép. Sản phẩm làm ra sẽ được các DN tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới.

Trong đó, 2 dự án vốn lớn, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế địa phương là Nhà máy Sản xuất Công ty TNHH Hansol Electronics Vietnam Hochiminhcity ở KCN Hồ Nai giai đoạn 2 (H.Trảng Bom - TP.Biên Hòa) vốn đầu tư 100 triệu USD và Nhà máy Sản xuất Công ty TNHH Platel Vina tại KCN Amata (TP.Biên Hòa) vốn đầu tư 30 triệu USD. Cả 2 dự án trên đầu tư

vào lĩnh vực điện tử để cung ứng cho Tập đoàn Samsung và một số DN khác tại Việt Nam.

Các dự án đầu tư vào CNHT phần lớn của các DN đến từ Hàn Quốc và Nhật Bản, Đài Loan. Các nhà máy này sau khi hoàn thành xây dựng, đi vào hoạt động sẽ cung ứng lượng lớn sản phẩm đầu vào cho các DN FDI tại Việt Nam, giảm nhập khẩu nguyên phụ liệu đầu vào.

Công ty TNHH Men Chuen Việt Nam (DN 100% vốn Đài Loan, ở KCN Giang Điền, H.Trảng Bom) cho biết, mới đây, công ty đã quyết định đầu tư thêm một nhà máy khoảng 30 triệu USD tại KCN Nhơn Trạch 6, huyện Nhơn Trạch. Nhà máy sẽ sản xuất các loại sợi, vải và nhuộm, hàng làm ra bán cho các DN ngành dệt may trong tỉnh và các tỉnh, thành khác. Trong 4- 5 năm trở lại đây, các DN dệt may có xu hướng tìm nguồn nguyên liệu vải sợi trong nước với số lượng lớn nên DN đã quyết định đầu tư vào ngành này. Theo đó, dù xảy ra dịch bệnh Covid-19 nhưng sản xuất của Công ty vẫn được mở rộng và tăng trưởng khá.

Đại dịch Covid-19 gây ảnh hưởng lớn đến các DN ở Đồng Nai nhưng các lĩnh vực CNHT vẫn đảm bảo sản xuất, mở rộng tiêu thụ cả ở thị trường trong nước lẫn xuất khẩu. Cụ thể, trong 6 tháng đầu năm nay, Đồng Nai xuất khẩu gần 11,6 tỷ USD, chiếm khoảng 6,5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, trong đó riêng lĩnh vực CNHT chiếm hơn 60%. Bên cạnh đó, tiêu thụ hàng hóa tại thị trường nội địa tăng trên 10%.

Hiệp hội DN Hàn Quốc tại Đồng Nai cho rằng, với lợi thế về giao thông và trung tâm sản xuất công nghiệp lớn của Việt Nam, các DN đầu tư vào lĩnh vực CNHT ở tỉnh sẽ dễ dàng tìm được đối tác ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm đầu ra ngay trên địa bàn và các tỉnh, thành lân cận. Do đó, 5 năm trở lại đây, các DN Hàn Quốc liên tục đầu tư mới, mở rộng đầu tư vào Đồng Nai trên lĩnh vực công nghiệp, đặc biệt là ngành CNHT, thu hút được rất nhiều DN đầu tư vào.

Trong những tháng đầu năm 2021, Hàn Quốc tiếp tục dẫn đầu trong hơn 45 quốc gia, vùng lãnh thổ đầu tư vào Đồng Nai, tiếp đến là Nhật

Bản. Các DN FDI đầu tư vào lĩnh vực CNHT đều có công nghệ hiện đại. Các nhà đầu tư FDI kỳ vọng trong khoảng 5-8 tháng nữa Việt Nam sẽ có đủ nguồn vaccine Covid-19 để tiêm phòng cho người dân và dịch bệnh sẽ giảm, hạn chế lây lan, giao thương với các nước dần trở lại bình thường. Khi đó, họ sẽ đến Đồng Nai đầu tư mới và tăng vốn mở rộng các nhà máy sản xuất □

Vĩnh Phúc tăng trưởng tốt nhờ chú trọng phát triển CNHT

Với mục tiêu phấn đấu đến năm 2025, Vĩnh Phúc cơ bản trở thành một trong những trung tâm công nghiệp điện tử và CNHT lớn của cả nước, những năm qua, UBND tỉnh đã xác định phát triển CNHT là tiền đề quan trọng phục vụ trực tiếp cho các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh. Cũng chính nhờ ban hành nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi phát triển nên ngành CNHT của địa phương đang có sự bứt phá ngoạn mục.

Xác định phát triển CNHT là một trong những giải pháp quan trọng, làm tăng khả năng thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển công nghiệp. Ngày 05/7/2016, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã phê duyệt Dự án về khuyến khích phát triển CNHT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030. Theo đó, mục tiêu đến năm 2020, CNHT trở thành ngành công nghiệp phát triển hiện đại, tham gia vào việc sản xuất và cung cấp phần lớn các linh kiện, phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa cho các ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu đến năm 2030, CNHT Vĩnh Phúc tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực phục vụ các ngành công nghiệp có công nghệ cao và sản xuất được các linh kiện và thiết bị hiện đại. Các sản phẩm CNHT có khả năng cạnh tranh cao và tham gia sâu vào mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.

Để hoàn thành Dự án trên, thời gian qua, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã tập trung tăng cường huy động nguồn vốn đầu tư phát triển CNHT; đẩy mạnh xúc tiến thu hút đầu tư phát triển CNHT; xây dựng sự liên kết giữa các DN trong quá trình phát triển CNHT và phát triển khoa học công nghệ. Ngoài ra, tỉnh cũng chú trọng nâng cao

chất lượng nguồn nhân lực cho CNHT; đẩy mạnh và hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện cho CNHT phát triển song hành với các giải pháp cải cách thủ tục hành chính, tiếp cận đất đai, mặt bằng... để tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư đạt hiệu quả.

Sau nhiều năm đẩy mạnh triển khai, đến nay, toàn tỉnh có trên 200 DN hoạt động trong lĩnh vực CNHT và đã giải quyết việc làm cho hơn 64.000 người lao động, tăng gần 7.500 lao động so với thời điểm 31/12/2020. Các DN CNHT đầu tư trên địa bàn chủ yếu tập trung phục vụ 5 lĩnh vực, gồm: Sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy; cơ khí chế tạo; sản xuất lắp ráp điện, điện tử; công nghiệp dệt may, da giày; sản xuất vật liệu xây dựng. Trong 6 tháng đầu năm 2021, trong bối cảnh hầu hết các DN đều chịu tác động bởi đại dịch Covid-19, giá trị sản xuất ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn đạt trên 145.910 tỷ đồng, tăng hơn 26% so với cùng kỳ năm 2020. Hầu hết các nhóm sản phẩm chủ lực ngành CNHT đều tăng cao, trong đó, ngành sản xuất xe ô tô các loại tăng 49%, linh kiện điện tử tăng 34%, quần áo các loại tăng 19%, gạch ốp lát tăng 13%... Riêng lĩnh vực CNHT điện tử, tổng doanh thu trong các khu công nghiệp của tỉnh ước đạt 2,2 tỷ USD; giá trị xuất khẩu ước đạt hơn 2 tỷ USD, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2020.

Để tạo cho ngành CNHT phát triển, thời gian qua, UBND tỉnh đã hỗ trợ 100% kinh phí lập hồ sơ và cấp giấy chứng nhận DN sản xuất sản phẩm CNHT công nghệ cao và chi phí đánh giá công nhận đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo khu vực cho sản phẩm CNHT. Đồng thời, Vĩnh Phúc cũng hỗ trợ lãi suất vay vốn cho các DN thực hiện đầu tư dự án mới, hoặc mở rộng dự án từ 20% quy mô trở lên; hỗ trợ 50% chi phí, lãi suất vay vốn đầu tư ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CNHT để nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm; hỗ trợ 100% chi phí cho DN tổ chức giới thiệu, phổ biến quy trình công nghệ sản xuất về sản phẩm CNHT trên địa bàn tỉnh... Nhờ vậy, ngành CNHT của tỉnh đã có những bước tiến vượt bậc, đóng góp đáng kể vào thu ngân sách, thúc đẩy các ngành công

nghiệp chủ lực của địa phương phát triển, tăng sức hấp dẫn cho các nhà đầu tư.

Thời gian tới, nhằm tạo điều kiện tốt hơn nữa cho các DN trong lĩnh vực CNHT đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô và từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, tham gia sâu hơn vào mạng lưới sản xuất chuỗi giá trị toàn cầu, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; đa dạng hóa, đa phương hóa thu hút đầu tư nước ngoài từ nhiều thị trường, trong đó mở rộng hoạt động xúc tiến đầu tư tại các nước G7 để chủ động thu hút đầu tư những dự án CNHT công nghệ cao, công nghệ mới, dịch vụ hiện đại, có hiệu ứng lan tỏa cao trong nền kinh tế.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh Vĩnh Phúc cũng sẽ thu hút đầu tư và phát triển một số sản phẩm CNHT công nghệ vật liệu; bộ điều khiển; thiết kế vi mạch phục vụ cho lĩnh vực điện tử; các chất hoạt động bề mặt; chất phụ gia; lĩnh vực thiết bị chuyên dụng; phần mềm và dịch vụ phục vụ công nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ một số DN sản xuất sản phẩm CNHT trên địa bàn tỉnh có thể tham gia vào chuỗi giá trị của các tập đoàn kinh tế lớn.

Thực tế cho thấy, không có nhiều địa phương xây dựng được cơ chế chính sách hỗ trợ cho ngành CNHT như Vĩnh Phúc. Bởi vậy, trong thời gian tới, ngành CNHT của địa phương này sẽ tiếp tục có những bước tiến vượt bậc, góp phần đắc lực đưa nền công nghiệp tỉnh cất cánh cùng sự phát triển chung của đất nước.

Mới đây, ngày 6/7/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc phối hợp với Trung tâm tư vấn và giải pháp công nghệ Việt - Hàn tổ chức Lễ ký kết biên bản ghi nhớ về hỗ trợ DN hoạt động trong lĩnh vực cơ khí, điện tử. Vĩnh Phúc là tỉnh đầu tiên trong cả nước ký kết biên bản ghi nhớ với Trung tâm tư vấn và giải pháp công nghệ Việt - Hàn về hỗ trợ DN hoạt động trong lĩnh vực cơ khí, điện tử. Với các lĩnh vực và nội dung hỗ trợ cụ thể, các DN hoạt động trong lĩnh vực cơ khí, điện tử trên địa bàn tỉnh sẽ được cung cấp các giải pháp cải thiện các vấn đề kỹ thuật và tăng cường hoạt động thương mại, giúp các DN gia nhập chuỗi giá trị toàn cầu ▣

Phát triển loại vải mới có khả năng làm mát cơ thể gần 5°C

Hai nhà khoa học Trung Quốc đã phát triển một loại vải mới có khả năng làm mát cho cơ thể người mặc gần 5°C. Loại vật liệu mới này được xem như một giải pháp nâng khả năng tự bảo vệ của con người trước sự nóng lên của trái đất.

Để tạo ra loại vải này, nhóm nghiên cứu đã kết hợp các hạt nano titanium dioxide với Teflon và nhựa polylactic axit đặt trong các sợi lớn hơn. Hạt titan oxit và Teflon trong loại vải này giúp phản chiếu bức xạ điện từ của Mặt trời, bao gồm bức xạ cực tím (UV) và cận hồng ngoại (NIR), nhờ đó làm cho cơ thể người mặc cảm thấy mát hơn, mặc dù vải chỉ có độ dày 550 micromet.

Để thử nghiệm vật liệu mới, các nhà nghiên cứu đã may một chiếc áo độc đáo với một nửa làm bằng loại vải mới và một nửa làm bằng vải cotton có cùng độ dày. Một sinh viên tham gia thử nghiệm đã mặc áo vest dưới ánh nắng trực tiếp trong 1 giờ. Khi các nhà nghiên cứu đo nhiệt độ da, mặt bên dưới lớp vải mới mát hơn gần 5°C so với mặt bên dưới lớp vải bông, cotton. Cụ thể, da bên dưới vải siêu mát tăng từ khoảng 31 độ C lên 32 độ C trong thời gian đó, còn nhiệt độ da bên dưới lớp cotton tăng tới khoảng 37 độ C. Khi chụp ảnh hồng ngoại, sự tương phản nhiệt độ giữa hai lớp vải có thể nhìn thấy rõ ràng và sinh viên tham gia thử nghiệm có thể cảm nhận được sự chênh lệch nhiệt độ.

Trước đó, để tạo ra quần áo chống lại nắng nóng, các nhà thiết kế thời trang thường sử dụng vải sáng màu, phản chiếu ánh sáng khả kiến. Vào năm 2017, các nhà nghiên cứu của Đại học Stanford đã từng thiết kế một loại vải cho phép MIR (bức xạ trung hồng ngoại) từ cơ thể người đi xuyên qua lớp vải, làm mát người mặc khoảng 3°C. Nhưng để có thể cho MIR đi qua, loại vải này phải rất mỏng - chỉ 45 micromet, khoảng 1/3 độ dày của vải lanh nhẹ, đặt ra bài toán về độ bền của quần áo.

Nhóm nghiên cứu hiện đang liên hệ với các nhà sản xuất dệt may và các công ty quần áo để cố gắng đưa vải mới ra thị trường. Loại vải tấm vật liệu nano này chỉ tăng thêm khoảng 10%

vào chi phí sản xuất quần áo thông thường. Nếu được sản xuất hàng loạt, có thể giúp mọi người trên khắp thế giới tự bảo vệ mình trước nhiệt độ ngày càng tăng cao do biến đổi khí hậu gây ra ■

Sáng chế loại sợi mới dai và bền hơn từ vi khuẩn biến đổi gen

Các kỹ sư tại Đại học Washington ở St. Louis (Mỹ) đã tạo ra loại protein lai lụa amyloid được sản xuất từ vi khuẩn đã được biến đổi gene dai hơn một số loại tơ nhện tự nhiên - một trong những vật liệu bền nhất, dai nhất.

Trước đây, phòng thí nghiệm của GS Fuzhong Zhang, tại Khoa Năng lượng, Môi trường & Kỹ thuật Hóa học, đã nghiên cứu thành công vi khuẩn tạo ra tơ nhện tái tổ hợp với hiệu suất ngang bằng với các loại tơ tự nhiên về tất cả các đặc tính cơ học quan trọng.

Nhóm đã sửa đổi trình tự axit amin của protein tơ nhện để giới thiệu các đặc tính mới, đồng thời giữ một số đặc điểm hấp dẫn của tơ nhện, thiết kế lại trình tự tơ bằng cách đưa vào các trình tự amyloid có xu hướng cao để hình thành tinh thể β -nano. Các protein thu được có trình tự axit amin ít lặp lại hơn so với tơ nhện, do đó vi khuẩn đã được biến đổi gene dễ dàng tạo ra một protein amyloid cao phân tử lai với 128 đơn vị lặp lại.

Protein càng dài, chất xơ tạo thành càng chắc và dai. 128 protein lặp lại tạo ra sợi có độ bền gigapascal (thước đo lực cần thiết để phá vỡ sợi có đường kính cố định), bền hơn thép thông thường. Độ dai của sợi cao hơn sợi kevlar và tất cả các sợi tơ tái tổ hợp trước đó ■

Chế tạo thành công thiết bị điện tử mỏng nhất thế giới

Các nhà khoa học Israel vừa chế tạo thành công thiết bị điện tử mỏng nhất thế giới (độ dày bằng hai nguyên tử) sử dụng để lưu trữ thông tin.

Thiết bị điện tử kể trên gồm hai lớp (một lớp chế tạo từ boron và lớp còn lại làm từ nitrogen) được sắp xếp theo cấu trúc lặp lại hình lục giác. Nhờ

tận dụng hiệu ứng cơ học lượng tử kỳ lạ mang tên xuyên hầm lượng tử, electron từ nguyên tử boron và nitrogen atoms có thể đi qua khoảng trống giữa hai lớp, thay đổi trạng thái của thiết bị. Nhờ đó, thiết bị điện tử mới có khả năng mã hóa, lưu trữ thông tin kỹ thuật số.

Cơ chế trên tương tự như cách các thiết bị vi tính hiện đại ngày nay hoạt động. Phần trung tâm của máy tính chứa nhiều tinh thể cực nhỏ, mỗi tinh thể gồm khoảng một triệu nguyên tử xếp theo nhiều lớp, trong mỗi một lớp có 100 nguyên tử. Bằng cách phóng electron qua khoảng trống giữa các lớp, máy tính có thể chuyển đổi giữa hai trạng thái nhị phân (0 và 1), tạo nền tảng cho đơn vị thông tin kỹ thuật số cơ bản là bit.

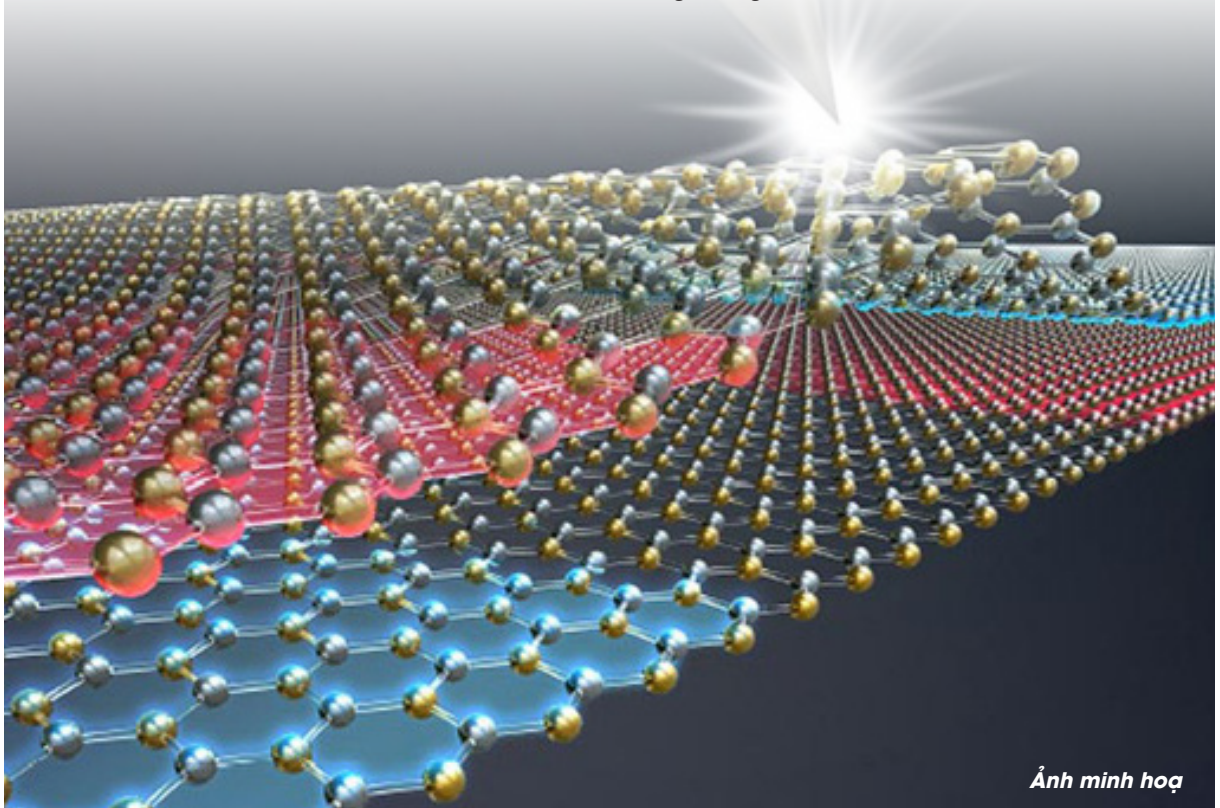
Ở trạng thái ba chiều tự nhiên, vật liệu này bao gồm rất nhiều lớp đặt chồng lên nhau, mỗi lớp xoay 180 độ so với lớp liền kề. Trong phòng thí nghiệm, các nhà khoa học có thể xếp các lớp theo cấu hình song song mà không cần xoay, đặt những nguyên tử cùng loại chồng lên nhau hoàn hảo bất chấp lực đẩy mạnh giữa chúng.

Đường hầm lượng tử cho phép các hạt, trong

trường hợp này là electron, truyền qua những rào cản dường như không thể vượt qua. Đó là vì trong vật lý lượng tử, vật chất tồn tại đồng thời ở cả dạng sóng và dạng hạt. Chính khả năng này giúp electron dịch chuyển giữa lớp boron và nitrogen của thiết bị.

Trên thực tế, nhóm nghiên cứu cho biết hai lớp không xếp chồng lên nhau hoàn hảo, thay vào đó, chúng hơi trượt nhẹ khỏi trọng tâm của nhau để tích điện trái dấu. Do đó, electron tự do (tích điện dương) di chuyển tới một lớp và hạt nhân nguyên tử tích điện dương nhích về lớp còn lại, tạo ra hiện tượng phân cực điện bên trong thiết bị. Thông qua điều chỉnh vị trí hai lớp, các nhà nghiên cứu có thể đảo ngược hiện tượng phân cực điện, khiến thiết bị chuyển từ trạng thái nhị phân này sang trạng thái nhị phân kia, nhờ đó có thể lưu trữ thông tin.

Nhờ giảm kích thước công nghệ xuống còn hai lớp nguyên tử, nhóm nghiên cứu có thể đẩy nhanh tốc độ di chuyển của electron. Electron chuyển động nhanh hơn có thể giúp các thiết bị tương lai hoạt động nhanh, bớt đặc và tiết kiệm năng lượng hơn ■



Ảnh minh họa

Sản lượng bông toàn cầu niên vụ 2021/22 dự kiến giảm nhẹ 0,1 triệu tấn và tiêu thụ bông toàn cầu dự kiến tăng nhẹ 0,3 triệu tấn

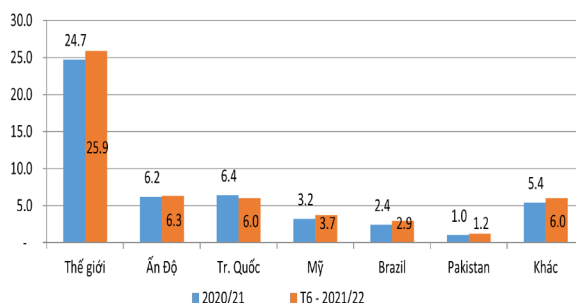
Theo báo cáo tháng 6 của Bộ Nông nghiệp Mỹ, sản lượng bông toàn cầu dự kiến trong vụ 2021/22 được điều chỉnh giảm nhẹ 0,1 triệu tấn bông và lượng tiêu thụ toàn cầu được điều chỉnh tăng nhẹ 0,3 triệu tấn so với báo cáo đưa ra trong tháng 5/2021. Những điều chỉnh cung cầu đã làm cho lượng tồn kho cuối kỳ vụ 2021/22 giảm 0,4 triệu tấn, còn 19,4 triệu tấn. Nếu bỏ qua giai đoạn Trung Quốc dự trữ bông tồn kho từ vụ 2012/13 đến vụ 2015/16 thì lượng tồn kho cuối vụ 2021/22 đang cao ở mức thứ 3 trong lịch sử.

Bảng 6: Bảng cân đối tồn kho bông thế giới (ĐVT: Triệu tấn)

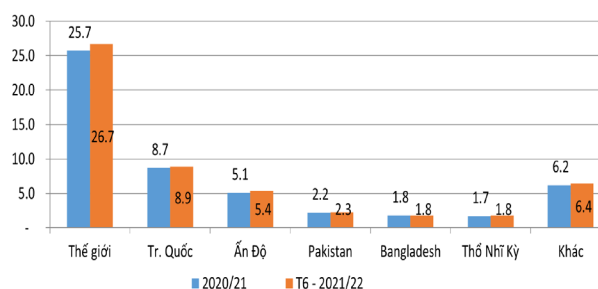
Chỉ tiêu	Niên vụ 2018/19	Niên vụ 2019/2020	Niên vụ 2020/21	Ước Niên vụ 2021/22 -T5	Ước Niên vụ 2020/21 - T6	Niên vụ 2021/22 so với 2020/21 (%)	Nv 2021/22 của T6 so với T5 (%)
Số dư đầu kỳ	17,7	17,4	21,3	20,3	20,3	22,41	-4,69
Sản xuất	25,8	26,4	24,7	26	25,9	-6,44	4,86
Tiêu thụ	26,2	22,4	25,7	26,4	26,7	14,73	3,89
Nhập khẩu	9,2	8,9	10,3	9,9	10,1	15,73	-1,94
Xuất khẩu	9	9	10,3	9,9	10,1	14,44	-1,94
Số dư cuối kỳ	17,4	21,3	20,3	19,8	19,4	-4,69	-4,43

Nguồn: Vinatex

Biểu đồ 7: Dự kiến sản lượng bông toàn cầu niên vụ 2021/22



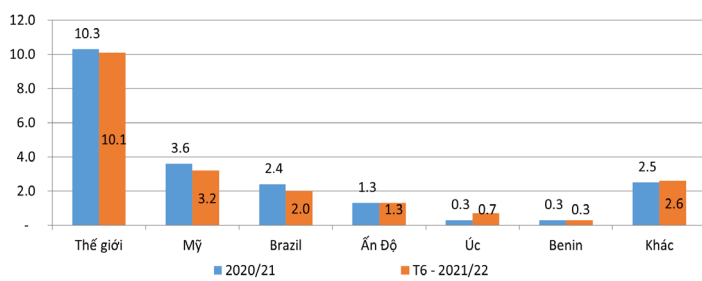
Biểu đồ 8: Dự kiến tiêu thụ bông toàn cầu niên vụ 2021/22



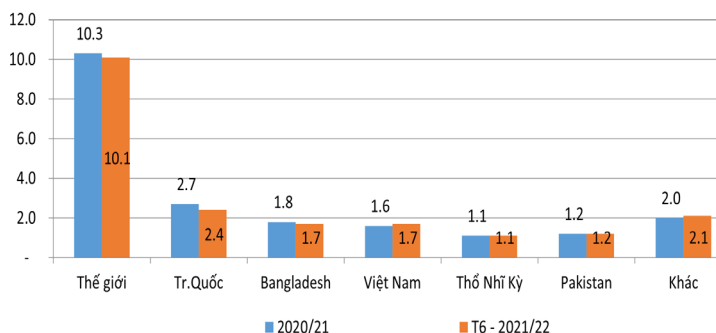
Xét ở phạm vi quốc gia, so với mùa vụ 2020/21, Trung Quốc có sự thay đổi vụ 2021/22 đáng kể nhất với sản lượng giảm 0,4 triệu tấn và tiêu thụ tăng 0,2 triệu tấn. Sở dĩ có sự thay đổi này là do tình hình thời tiết xấu ở Tân Cương đã làm giảm năng suất gieo trồng bông, trong khi đó Trung Quốc lại đang tăng công suất sản xuất hàng dệt may nhằm đón đầu kinh tế thế giới hồi phục nhờ tiêm chủng vắc xin Covid-19 trên diện rộng. Tuy nhiên, Trung Quốc hiện vẫn chưa có ý định tăng cường nhập khẩu bông khi mà vẫn duy trì hạn ngạch nhập khẩu ở mức thấp trong năm 2021. Điều này dự kiến sẽ làm giảm tồn kho cuối kỳ của Trung Quốc từ 8,5 triệu tấn vụ 2020/21 xuống còn 7,7 triệu tấn trong vụ 2021/22.

Sản lượng bông vụ 2021/22 dự kiến tăng mạnh ở Mỹ và Brazil, tăng nhẹ ở Ấn Độ, Pakistan và các nước khác. Lượng tiêu thụ dự kiến vụ 2021/22 tăng ở hầu hết các quốc gia. Thương mại bông toàn cầu dự kiến giảm so với mùa vụ trước từ 10,3 triệu tấn xuống còn 10,1 triệu tấn. Xuất khẩu bông của Mỹ, Brazil dự kiến giảm do những quan ngại về tình hình vận chuyển từ các nước này. Trong khi đó xuất khẩu bông của Úc tăng mạnh (gấp 2,3 lần) do sản lượng sản xuất tăng cao. Việt Nam sẽ tăng nhập khẩu bông vụ này lên 0,1 triệu tấn, ngược lại Bangladesh giảm lượng nhập khẩu 0,1 triệu tấn ▣

Biểu đồ 9: Dự kiến xuất khẩu bông toàn cầu niên vụ 2021/22



Biểu đồ 10: Dự kiến nhập khẩu bông toàn cầu niên vụ 2021/22



Hyosung's creora regen elastane thu hút sự chú ý của ngành công nghiệp denim

Các nhà sản xuất vải denim đang tìm kiếm và kết hợp với các nhà sản xuất sợi sinh thái mới nhất nhằm đưa ra giải pháp cho sợi bền vững được tạo ra từ vải tái chế 100%.

Hyosung giới thiệu những phát triển sợi bền vững mới nhất của mình cho cộng đồng denim sợi dệt kim trong sự kiện ảo Kingpins24 FLASH. © Hyosung.

Theo nhà sản xuất sợi hàng đầu Hyosung, với tính bền vững, khả năng truy xuất nguồn gốc và tính minh bạch được đặt ưu tiên hàng đầu của ngành công nghiệp vải denim, các nhà máy và thương hiệu đang tìm kiếm các giải pháp công nghệ sợi để giúp họ tạo ra các sản phẩm denim thân thiện với môi trường có trách nhiệm nhất trong quá trình sản xuất.

Trong số các giải pháp sợi bền vững của mình, Hyosung nhấn mạnh đến việc tái chế 100% elastane creora regen được chứng nhận GRS, được làm từ chất thải tái chế, và đã có nhu cầu kể từ khi ra mắt vào năm 2020.

Vải denim được làm bằng 3D Max creora elastane giúp loại bỏ sự cần thiết của polyester đàn hồi và vải có thể được xử lý bằng phương pháp giặt laze thân thiện với môi trường.

Ngoài creora elastane regen tái chế 100% và creora elastane 3D-Max, Hyosung giới thiệu các loại sợi đa chức năng, thân thiện với môi trường sau:

- MIPAN regen aqua X: nylon với cảm giác mát khi sờ được tái chế và khả năng chống tia cực tím
- Regen askin: polyester với cảm giác mát khi sờ và khả năng chống tia cực tím
- Regen aerolight: polyester nhẹ tái chế với khả năng quản lý độ ẩm hiệu suất cao

Hyosung là nhà sản xuất sợi toàn diện sản xuất các sản phẩm đẳng cấp thế giới, cung cấp sự đổi mới và giải pháp cho ngành dệt may. Hyosung's creora elastane là thương hiệu vải thun lớn nhất

thế giới, cung cấp nhiều loại sản phẩm sợi kéo căng nhất được hỗ trợ bởi công nghệ và chất lượng đặc biệt. Mipan nylon và polyester đặc biệt cung cấp các giải pháp sợi bền vững và chức năng cần thiết cho thị trường dệt ngày nay ▣

Ngành công nghiệp ô tô Hoa Kỳ đối mặt với sự thiếu hụt chất bán dẫn

Nhu cầu thị trường toàn cầu về chất bán dẫn đã tăng lên đáng kể vào thời điểm thế giới đang hướng tới những đổi mới kỹ thuật trong năng lượng tái tạo, xe điện và trí tuệ nhân tạo. Khi Hoa Kỳ phục hồi sau thiệt hại kinh tế mà đại dịch Covid-19 gây ra, sự thiếu hụt nghiêm trọng của thành phần điện tử quan trọng này đã làm gián đoạn sản xuất trong các ngành từ thiết bị y tế, máy tính, công nghệ quốc phòng và một phần không nhỏ là ngành công nghiệp ô tô của Hoa Kỳ.

Mặc dù dường như không có giải pháp nhanh cho tình trạng bất ổn của chuỗi cung ứng này, nhưng so với các quốc gia khác, Hoa Kỳ có thể ở vị trí tốt nhất để giúp các DN của mình vượt qua những hạn chế của chuỗi cung ứng bán dẫn toàn cầu.

Chất bán dẫn rất cần thiết để sản xuất vi mạch hoặc chip tích hợp. Một con chip đơn lẻ có thể bao gồm hàng nghìn hoặc thậm chí hàng triệu chất bán dẫn. Các chất bán dẫn rất khó sản xuất vì chúng nhỏ hơn sợi tóc người hàng trăm lần. Những chiếc xe hiện đại, công nghệ tiên tiến sử dụng vô số cảm biến và bộ điều khiển dựa vào chip để gửi thông tin khắp xe.

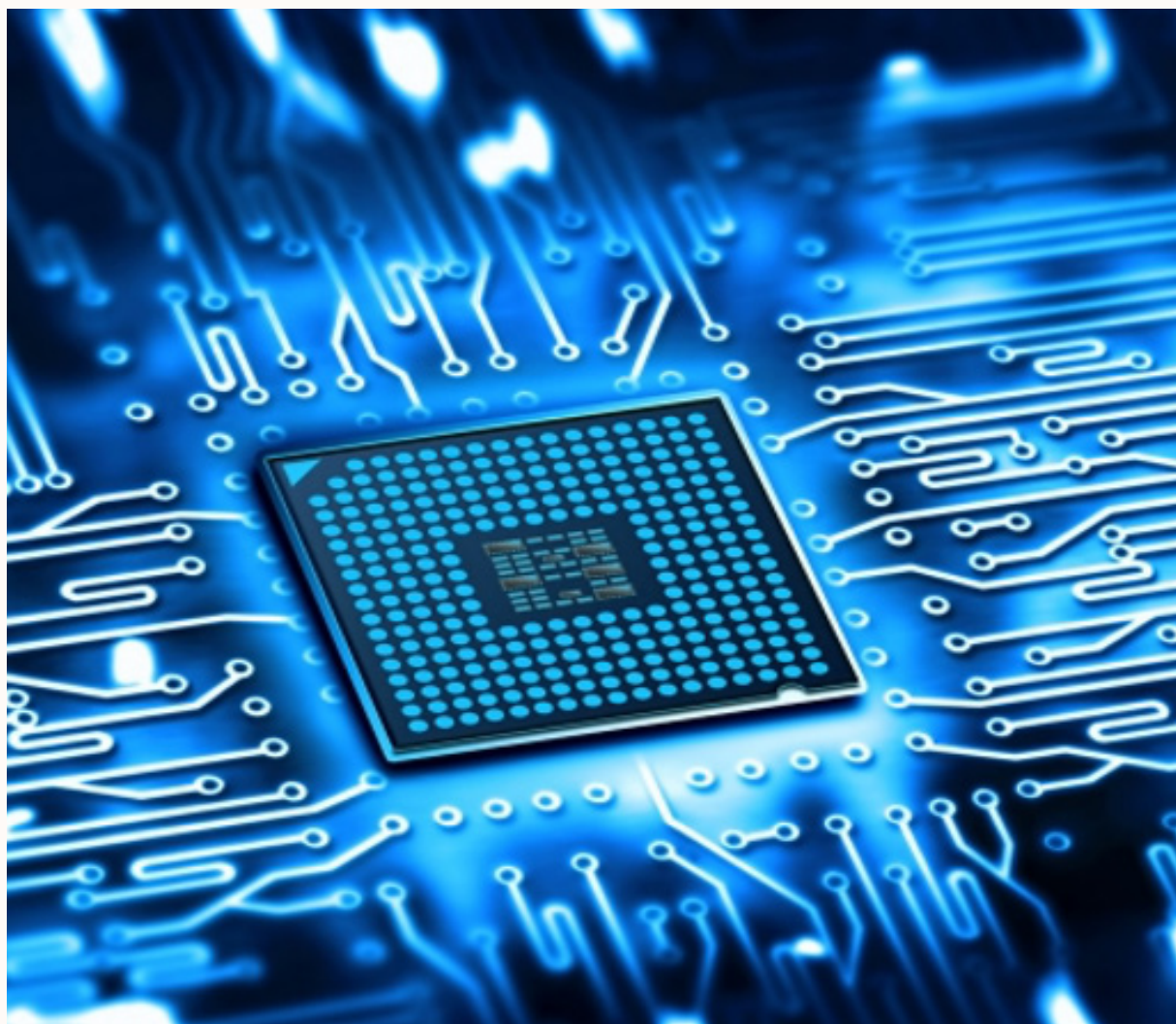
Trước đây, các nhà sản xuất ô tô luôn cố gắng hạn chế tồn kho các bộ phận, bao gồm cả chất bán dẫn, ở mức "vừa kịp", để giảm chi phí. Khi doanh số bán ô tô chậm lại, các đơn đặt hàng cũng tăng theo. Nhiều xưởng đúc hợp đồng bán dẫn chuyển từ sản xuất chip "trưởng thành" cho ngành công nghiệp ô tô sang sản xuất chip "mới nổi" có công nghệ tiên tiến hơn cho ngành điện tử tiêu dùng (ví dụ: 5G), vốn đòi hỏi giá cao hơn.

Sự bùng phát của dịch Covid-19 đã chứng kiến các đơn đặt hàng ô tô giảm, dẫn đến đơn đặt

hàng bán dẫn từ lĩnh vực ô tô cũng giảm nhanh chóng. Khi đơn đặt hàng bán dẫn giảm đối với ô tô, đơn đặt hàng bán dẫn đối với thiết bị điện tử tiêu dùng tăng nhanh chóng khi lực lượng lao động bước vào khu vực cách ly và phải làm việc từ xa do áp dụng các biện pháp giãn cách để phòng chống dịch. Khi việc kiểm soát dịch bệnh có kết quả tốt, doanh số bán ô tô đã tăng tới 90% (tính từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 4 năm 2021). Trong khi nhu cầu gia tăng là tốt cho ngành công nghiệp ô tô, sự thiếu hụt nghiêm trọng chất bán dẫn đang khiến Ford, General Motors và Stellantis phải gián đoạn ngừng hoạt động. Sự thiếu hụt đã buộc các OEM phải ngừng hoạt động và giảm dần đến các nhà cung cấp linh kiện phụ thuộc vào OEM để kinh doanh.

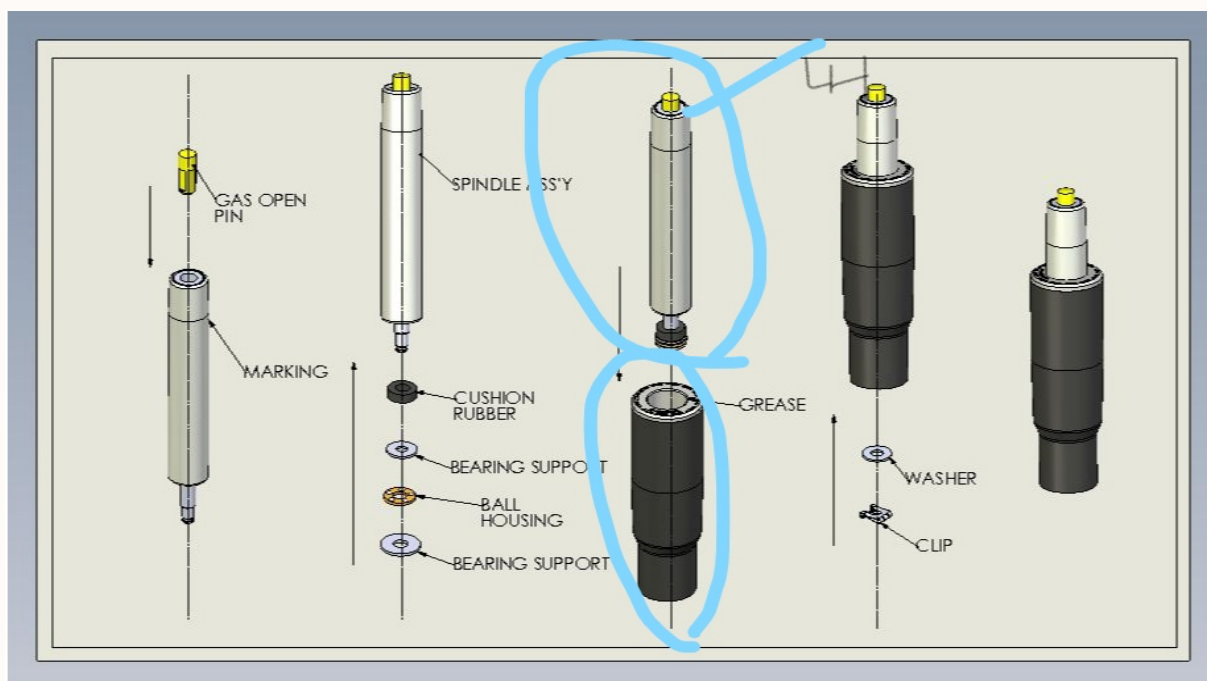
Trước tình trạng phụ thuộc quá nhiều vào nhập khẩu, tháng 4 năm 2021, Hoa Kỳ đã ban hành luật nhằm giảm sự phụ thuộc của Hoa Kỳ vào nguồn cung nước ngoài trong khi khuyến khích sản xuất chất bán dẫn trong nước thông qua kế hoạch đầu tư sản xuất từ thị trường nội địa trị giá 50 tỷ USD. Mặc dù vậy, với điều kiện chế tạo chất bán dẫn khó và tốn kém, sản xuất trong nước chưa thể ngay lập tức có thể đáp ứng được nhu cầu chất bán dẫn từ thị trường Hoa Kỳ.

Mặc dù được bổ sung bằng sản xuất trong nước, nhu cầu về chất bán dẫn của Hoa Kỳ vẫn phụ thuộc nhiều vào các nhà cung cấp nước ngoài, đặc biệt là các nhà cung cấp từ thị trường Đài Loan ■





DN Hàn Quốc cần tìm đơn vị cung cấp thiết bị nâng hạ ghế (cylinder)



DN quan tâm và có khả năng cung cấp đề nghị gửi đăng ký theo mẫu tại đường link dưới đây và liên hệ với Thương vụ để biết thêm thông tin chi tiết cũng như được kết nối với đối tác.

https://drive.google.com/file/d/1OxtWaBvIDDS3JN6L8CqP7hVEv5OP_kIn/view?usp=sharing

Thương vụ Việt Nam tại Hàn Quốc

Add: 6th Floor, Golden Bridge Build., Chungjeongno 3-ga, No.222, Seodaemun-Gu, Seoul, 120-708

 (82-2) 362-2013; Fax: (82-2) 364-3664;

 kr@moit.gov.vn; vntradeinkorea@gmail.com

 <https://www.facebook.com/thuongvuhanquoc/>

Công ty Hoa Kỳ cần nhập khẩu đèn năng lượng mặt trời

Công ty Hoa Kỳ cần nhập khẩu: Đèn LED năng lượng mặt trời, Mô đun/pin mặt trời, Máy bơm nước, Pin lithium (Solar LED luminaires, Solar Modules/Solar Panels, Water pumps, Lithium Batteries).

Các DN Việt Nam quan tâm, đề nghị gửi thông tin, hồ sơ giới thiệu về DN và sản phẩm bằng tiếng Anh tới:

Văn phòng Xúc tiến thương mại Việt Nam tại New York (Vietrade New York)

580 Fifth Ave, Suite 425, NY 10036, USA

 212 868 2686/212 868 2688

 vietradeny@vietrade-newyork.org; vietrade-newyork@vietrade.gov.vn

Công ty Hoa Kỳ cần tìm đối tác hợp tác sản xuất đồ/dụng cụ câu cá, đánh bắt cá (fishing tackle) tại Việt Nam gồm: Cần câu cá, ống chỉ câu, dây/chỉ câu (fishing rods, fishing reels, fishing rod component parts, nylon thread)...

Công ty đã hoạt động ở khu vực châu Á trong 38 năm, đã có nhà máy tại Trung Quốc và hiện đang mong muốn mở 01 nhà máy sản xuất tại Việt Nam. Công ty mong muốn tìm đối tác có chuyên môn/hoặc chuyên môn tương tự trong ngành sản xuất dụng cụ câu cá để hợp tác, trở thành đại lý của Công ty Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Các DN Việt Nam quan tâm, đề nghị gửi thông tin, hồ sơ giới thiệu về DN và sản phẩm bằng tiếng Anh tới:

Văn phòng Xúc tiến thương mại Việt Nam tại New York (Vietrade New York)

580 Fifth Ave, Suite 425, NY 10036, USA

 212 868 2686/212 868 2688

 vietradeny@vietrade-newyork.org; vietrade-newyork@vietrade.gov.vn

Tham khảo tình hình sản xuất một số sản phẩm CNHT tại các tỉnh

Sản phẩm	Tỉnh/TP	ĐVT	Ước tháng 6/2021	Tháng 5/2021	Tháng 6/2020
Linh kiện điện tử					
Dịch vụ sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	Bình Dương	Triệu đồng	686.832	675.912	651.797
	TP. Hồ Chí Minh	Triệu đồng	371.347	362.625	498.792
	Vĩnh Phúc	Triệu đồng	17.800	17.034	10.460
Dịch vụ sản xuất linh kiện điện tử	Vĩnh Phúc	Triệu đồng	11.782.868	11.567.138	8.103.098
	TP. Hồ Chí Minh	Triệu đồng	543.248	618.417	600.164
	Bình Dương	Triệu đồng	372.811	350.395	297.787
Linh kiện ô tô					
Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	TP. Hà Nội	Cái	2.429.710	2.426.166	1.132.595
	Hoà Bình	Cái	550.000	598.704	342.390
	Đồng Nai	Cái	531.834	531.834	758.179
Xe có động cơ chở dưới 10 người, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện với dung tích xi lanh > 1500 cc và ≤ 3000 cc	Vĩnh Phúc	Chiếc	5.840	5.235	3.779
	TP. Hải Phòng	Chiếc	3.423	4.057	2.087
	Ninh Bình	Chiếc	2.390	3.707	3.403
Nguyên phụ liệu dệt may					
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói ...	Quảng Ninh	Tấn	25.500	25.820	22.418
	Tây Ninh	Tấn	17.461	17.340	14.577
	Đồng Nai	Tấn	8.500	8.282	7.838
Vải dệt thoi khác từ sợi bông	Nam Định	1000 m2	6.539	6.348	4.733
	Đồng Nai	1000 m2	1.847	1.600	2.211
	Hà Nam	1000 m2	987	983	815
Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	Đồng Nai	1000 m2	27.328	26.027	26.367
	Quảng Ninh	1000 m2	9.000	8.077	7.650
	Phú Thọ	1000 m2	5.716	5.078	3.933
Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) nhân tạo	Đồng Nai	1000 m2	41.922	39.659	31.987
	Long An	1000 m2	20.684	20.823	25.170
	TP. Hồ Chí Minh	1000 m2	2.831	3.621	3.453

Sản phẩm	Tỉnh/TP	ĐVT	Ước tháng 6/2021	Tháng 5/2021	Tháng 6/2020
Sản phẩm dệt may					
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	TP. Hà Nội	1000 cái	8.040	7.911	5.217
	TP. Hồ Chí Minh	1000 cái	7.828	8.750	9.490
	Hải Dương	1000 cái	5.912	5.029	6.782
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	TP. Hồ Chí Minh	1000 cái	31.602	32.633	36.182
	Đồng Nai	1000 cái	11.489	10.367	8.632
	Tiền Giang	1000 cái	8.825	9.690	12.204
Các loại mền chần, các loại chần nhồi lông, các loại nệm, đệm, nệm ghế, nệm gối, túi ngủ và loại tương tự có gắn lò xo hoặc nhồi hoặc lắp bên trong bằng vật liệu nhựa hoặc bằng cao su hoặc bằng chất dẻo xốp	TP. Hà Nội	1000 cái	731	725	399
	TP. Cần Thơ	1000 cái	563	550	406
	Bình Định	1000 cái	326	310	328
Quần áo lót cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	Thừa Thiên Huế	1000 cái	39.100	34.850	23.297
	TP. Hải Phòng	1000 cái	10.936	7.876	5.720
	Bình Phước	1000 cái	4.040	4.040	3.888

Nguồn: Tính toán từ số liệu sơ bộ của Tổng cục Thống kê và các cục Thống kê

